



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 26/2021**  
Từ 28/6 - 02/7/2021

**TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

\*

**TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA**  
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

**ÔNG PHẠM MINH HÙNG**  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
BỘ NỘI VỤ  
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

**BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY**

\*

**TRUNG TÂM THÔNG TIN  
BỘ NỘI VỤ**

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**  
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT  
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

**ĐIỆN THOẠI**  
024.62821016

**EMAIL**  
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN  
**WEBSITE**  
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:**

**TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI NHẤT CHO XÂY DỰNG,  
HOÀN THIỆN THỂ CHẾ VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT**

Ngày 29/6, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 6/2021 với nhiều quyết định quan trọng, mang tính đột phá. Theo đó, Chính phủ tập trung rà soát, xem xét việc xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật gắn với trách nhiệm của người đứng đầu của các Bộ, cơ quan nhằm khẩn trương tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ.



*Thủ tướng Phạm Minh Chính đặc biệt nhấn mạnh, các Bộ trưởng, người đứng đầu các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công tác xây dựng thể chế và thực thi pháp luật. - Ảnh: VGP/Nhật Bắc*

Ngay sau khi Chính phủ được kiện toàn, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã đặc biệt quan tâm, liên tục có các cuộc làm việc, chỉ đạo về công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế. Tình hình thực tế đang diễn ra rất nhanh với nhiều vấn đề cần xử lý, vì thế Thủ tướng Chính phủ triệu tập phiên họp chuyên đề nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng và nâng cao chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách.

Tại phiên họp, Chính phủ đã thảo luận, thông qua 8 nội dung: Dự án Luật Cảnh sát cơ động; dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chi tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; đề nghị xây dựng Luật Đất đai

(sửa đổi); dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 101/2005/NĐ-CP của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; đề xuất tháo gỡ khó khăn trong việc thực hiện quy định lắp camera trên phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19; tình hình thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ và ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh; dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về các chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Đánh giá tình hình thực hiện chương trình xây dựng pháp luật 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021, dự kiến xây dựng một số luật năm 2022, ý kiến đóng góp, thảo luận của các thành viên Chính phủ rất sôi nổi, tâm huyết, trách nhiệm, phong phú, đã làm rõ những ưu điểm, chỉ ra những hạn chế trong công tác xây dựng pháp luật 6 tháng đầu năm, đồng thời rút ra những kinh nghiệm để thúc đẩy tiến độ và nâng cao chất lượng các văn bản pháp luật sẽ được thông qua thời gian tới.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, đổi mới, hoàn thiện thể chế là một trong 3 khâu đột phá chiến lược được xác định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Trong các cuộc họp gần đây, nhất là tại Kết luận số 07-KL/TW ngày 11/6/2021 về một số nhiệm vụ trọng tâm tăng cường công tác phòng, chống dịch COVID-19 và phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Chính trị đã giao Ban cán sự đảng Chính phủ phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội và các cơ quan có liên quan tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách, để hỗ trợ, duy trì, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; không để gián đoạn sản xuất. Các cuộc họp lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước gần đây cũng nhấn mạnh nội dung này. Trong chương trình hành động của Chính phủ để thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, một nội dung quan trọng là tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đánh giá cao những nỗ lực, cố gắng của các bộ, ngành trong 6 tháng đầu năm trong công tác xây dựng pháp luật. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành đã rất quan tâm công tác xây dựng luật, pháp lệnh, ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, đạt kết quả quan trọng, ban hành nhiều chính sách kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh.

Tuy nhiên, thể chế, cơ chế, chính sách vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân khách quan là do các bộ, ngành tập trung cho nhiệm vụ chuẩn bị tổ chức Đại hội Đảng các cấp và bầu cử Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, nhất là phải dành nhiều nguồn lực để vừa phòng chống dịch COVID-19, vừa thúc đẩy sản xuất kinh doanh, thực hiện mục tiêu kép. Nguyên nhân chủ quan là lãnh đạo, chỉ đạo của một số Bộ, ngành chưa quyết liệt, sát sao, việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật trong soạn thảo pháp luật có lúc, có nơi chưa nghiêm.

### **Đổi mới mạnh mẽ công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và thực thi pháp luật**

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quan trọng thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, trước hết, phải nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng và thực thi pháp luật. Các Bộ, ngành cần xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, hằng năm, tập

trung lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư các nguồn lực để kiểm soát tiến độ xây dựng, ban hành, nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời, tổ chức thực hiện, thi hành pháp luật thật tốt, hiệu quả.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu, với các nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, cần chuẩn bị bài bản, theo đúng quy trình, quy định của pháp luật để trình Quốc hội. Với các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ, các bộ ngành phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương rà soát kỹ để xác định thứ tự ưu tiên, khẩn trương đề xuất sửa đổi, tháo gỡ các vướng mắc, bất cập, bổ sung các quy định mà thực tiễn đang đòi hỏi. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các bộ ngành chủ động, tích cực, phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương rà soát, căn cứ tình hình thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các thông tư, quy định thuộc thẩm quyền.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới việc triển khai công tác xây dựng pháp luật theo hướng kịp thời hơn, bám sát thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo; chuẩn bị dự thảo văn bản luật đồng thời với dự thảo nghị định, thông tư hướng dẫn. Xác định trọng tâm, trọng điểm; tuân thủ nghiêm Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường phối hợp chặt chẽ hơn giữa cơ quan chủ trì soạn thảo với các bộ, ngành có liên quan và các cơ quan của Quốc hội, giữa các cơ quan Trung ương và địa phương.

Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và thực thi pháp luật. Thủ tướng đặc biệt nhấn mạnh, các Bộ trưởng, người đứng đầu các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công tác xây dựng thể chế và thực thi pháp luật.

Thứ tư, phân công, phân cấp rõ ràng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Tăng cường lấy ý kiến các thành viên Chính phủ, các cơ quan có liên quan, các chuyên gia pháp luật, nhà khoa học, những người hoạt động thực tiễn.

Thứ năm, tăng cường các cán bộ có năng lực, tâm huyết, trách nhiệm cho các ban soạn thảo, xây dựng pháp luật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích, động viên những người làm công tác xây dựng pháp luật.

Thứ sáu, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí thỏa đáng và có ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho xây dựng, hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật.

### **Hơn 26.000 tỷ đồng hỗ trợ người gặp khó khăn do đại dịch**

Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 bổ sung thêm nhiều nội dung mới so với Nghị quyết số 42/2020/NQ-CP của Chính phủ. Theo Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung, tổng kinh phí hỗ trợ khoảng hơn 26.000 tỷ đồng.

Về nội dung này, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo và các cơ quan liên quan bám sát, thực hiện nghiêm túc các kết luận của Bộ Chính trị. Tiếp tục nghiên cứu, rà soát để bảo đảm chính sách phù hợp với những người cần hỗ trợ, trong đó bổ sung thêm đối tượng hỗ trợ là lao động tự do.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, Nghị quyết này phải bảo đảm hỗ trợ kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, đáp ứng được nguyện vọng của đại đa số người dân và đòi hỏi của thực tiễn. Tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xử lý nghiêm các sai phạm, không để xảy ra tiêu cực trong quá trình thực hiện chính sách.

Đồng thời, căn cứ tình hình thực tiễn để tiếp tục nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung về đối tượng, thời gian, mức hỗ trợ bảo đảm thỏa đáng, phù hợp tình hình.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: TRONG BỐI CẢNH KHÓ KHĂN HƠN, PHẢI THỰC HIỆN BẰNG ĐƯỢC MỤC TIÊU KÉP

Ngày 01/7, dưới sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chính phủ họp phiên thường kỳ tháng 6/2021. Kết luận phiên họp, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, chúng ta đã và đang thực hiện tốt mục tiêu kép, phát triển kinh tế - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực; thời gian tới, phải kiên trì thực hiện mục tiêu kép nhưng không máy móc, cứng nhắc, phải chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hài hòa giữa phòng chống dịch bệnh và phát triển kinh tế - xã hội, căn cứ tình hình thực tế tại mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương ở từng thời điểm khác nhau để lựa chọn mục tiêu ưu tiên.

Phiên họp tập trung thảo luận về các nội dung: Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong 6 tháng cuối năm 2021; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan tới công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19; một số nội dung liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19...

Tại phiên họp, các thành viên Chính phủ phát biểu khẳng định những kết quả tích cực đạt được trong 6 tháng đầu năm, nhất là tăng trưởng GDP, cho thấy nỗ lực rất lớn của cả hệ thống chính trị, toàn quân, toàn dân trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp. Nông nghiệp tăng trưởng cao nhất trong 10 năm, công nghiệp có đóng góp cao cho tăng trưởng...

Các đại biểu tập trung thảo luận về một số vấn đề nổi lên trong phát triển kinh tế - xã hội và công tác phòng chống dịch, phân tích những hạn chế, các nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và dự báo tình hình, mục tiêu, phương hướng, quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ, giải pháp trong 6 tháng cuối năm. Các ý kiến đề xuất nhiều giải pháp để nền kinh tế vượt qua các khó khăn, thách thức, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển, tranh thủ được các cơ hội để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh nhiều nền kinh tế lớn phục hồi mạnh, thương mại toàn cầu tăng trưởng cao...

## Tăng cường, củng cố niềm tin của nhân dân

Kết luận phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, tình hình 6 tháng đầu năm có nhiều biến động đặc thù hơn so với 6 tháng đầu năm 2020, như các đợt bùng phát dịch lần thứ 3 và thứ 4 với các biến thể nguy hiểm hơn, việc chuẩn bị tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Trong bối cảnh đó, Chính phủ đã bám sát tình hình thực tế, bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các nhiệm vụ, mục tiêu Quốc hội giao để tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng suốt trong chỉ đạo, điều hành. Nhìn tổng thể, chúng ta đã và đang thực hiện tốt mục tiêu kép. Nhiều ổ dịch lớn đã được ngăn chặn, kiểm chế, đẩy lùi như tại hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang; cuộc sống trở lại bình thường; phần lớn các nhà máy, doanh nghiệp đã hoạt động trở lại. Hai tỉnh này và Hà Nội bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch COVID-19 nhưng vẫn đạt kết quả cao về tăng trưởng, thu ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công. Trên phạm vi cả nước, số liệu thống kê cho thấy kinh tế - xã hội đạt kết quả tốt, được các tổ chức quốc tế đánh giá tích cực.

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bày tỏ cảm ơn cấp ủy, chính quyền các cấp, hệ thống chính trị và sự đồng hành, vào cuộc của các tầng lớp Nhân dân đã cùng chia sẻ, gánh vác, hưởng ứng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Thủ tướng Chính phủ cũng biểu dương các lực lượng tuyến đầu trong công tác phòng chống dịch như y tế, công an, quân đội, Ban Chỉ đạo quốc gia.

Trong 6 tháng đầu năm, GDP tăng trưởng 5,64%, cao hơn nhiều so với cùng kỳ. Kinh tế vĩ mô ổn định; CPI bình quân 6 tháng chỉ tăng 1,47%, thấp nhất trong nhiều năm. Thị trường tiền tệ, tín dụng, tỷ giá, lãi suất cơ bản ổn định. Thu ngân sách nhà nước đạt cao, ước tính 57,7% dự toán năm, tăng 15,3% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng mạnh, xuất khẩu tăng 28,4%, nhập khẩu tăng 36,1% và chủ yếu là nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống nhân dân được làm tốt trong điều kiện khó khăn do dịch bệnh, khẳng định quan điểm dứt khoát không đánh đổi tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Môi trường sống từng bước được cải thiện theo quan điểm không hy sinh môi trường để đổi lấy tăng trưởng.

Công tác cải cách, hoàn thiện thể chế được đẩy mạnh, Chính phủ và các Bộ, ngành rất quyết liệt, tích cực sửa đổi, bổ sung các quy định thuộc thẩm quyền, với các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì khẩn trương, mạnh dạn trình các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Chuyển đổi số được quan tâm và thúc đẩy trong bối cảnh dịch bệnh, một số cơ sở dữ liệu lớn đã hoàn thành, như hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bắt đầu hoạt động từ ngày 01/7. Thương mại điện tử phát triển mạnh, nhất là hỗ trợ tiêu thụ nông sản, trong đó tiêu thụ vải thiều ở tỉnh Bắc Giang là điển hình.

Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hoạt động đối ngoại tiếp tục được đẩy mạnh và tăng cường, không để hoạt động đối ngoại bị gián đoạn, tổ chức thành công nhiều hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Trong đó, hoạt động ngoại

giao vaccine và phòng chống COVID được thực hiện rất quyết liệt, nhất quán và hiệu quả; vấn đề này được lãnh đạo nước ta đề cập rất tích cực tại tất cả các cuộc tiếp xúc, điện đàm với lãnh đạo các nước. Chiến lược vaccine rất đúng, kịp thời, phù hợp tình hình và đang từng bước được thực hiện hiệu quả.

“Điều lớn nhất là qua khó khăn, thách thức, chúng ta càng thấy tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau và đoàn kết quốc tế. Những kết quả bước đầu trong thực hiện mục tiêu kép, bảo đảm an ninh - quốc phòng và đẩy mạnh đối ngoại thời gian qua đã giúp tăng cường, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng”, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng thẳng thắn chỉ ra một số khó khăn, thách thức. Dịch COVID-19 đang diễn biến phức tạp, khó lường tại một số địa phương, như TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh Đông Nam Bộ. Tốc độ tăng trưởng chưa đạt mục tiêu đề ra. Khu vực dịch vụ bị ảnh hưởng nhiều. Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng. Giá nguyên liệu đầu vào tăng, chi phí vận tải cao do hệ thống giao thông còn bất cập. Huy động nguồn lực toàn xã hội tuy có tăng nhưng còn thấp so với dư địa và tiềm năng. Nợ thuế tăng cao. Một bộ phận người lao động bị tác động mạnh bởi dịch COVID-19 nên đời sống khó khăn, do đó, Chính phủ đã rất khẩn trương xây dựng và ngay trong ngày 01/7, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 bảo đảm kịp thời, thỏa đáng, đúng đối tượng, chống tiêu cực.

Nguyên nhân của những kết quả đạt được, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, trước hết, chúng ta biết kế thừa, phát huy những thành tựu, thành tích, bài học kinh nghiệm quý của nhiều nhiệm kỳ, nhiều năm vừa qua; đồng thời rút kinh nghiệm, tránh những hạn chế, bất cập của giai đoạn trước trên tinh thần có kế thừa, ổn định, đổi mới và phát triển; khiêm tốn, cầu thị, lắng nghe, không lo sợ, hoang mang trước khó khăn, thách thức. Tuân thủ nghiêm túc sự lãnh đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt để tổ chức thực hiện theo đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao. Cùng với đó là sự vào cuộc, phấn đấu của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, sự ủng hộ nhiệt tình của các tầng lớp Nhân dân, sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, tinh thần tương thân, tương ái và đoàn kết quốc tế.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém là do hai đợt dịch bùng phát với biến chủng virus mới phức tạp, khó lường, nguy hiểm, khó kiểm soát hơn, độc lực mạnh hơn. Có những nơi, những lúc còn lơ là, chủ quan, mất cảnh giác. Nền kinh tế có độ mở lớn, phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu và khu vực FDI. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thực thi pháp luật của một số cơ quan, đơn vị, địa phương, người đứng đầu chưa quyết liệt, chưa đồng bộ, chỉ đạo thiếu nhất quán, chưa bám sát thực tiễn để đưa ra quyết sách phù hợp, thậm chí quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm. Còn nhiều nút thắt phát triển chưa được tìm ra và giải quyết, nhất là về thể chế. Một số chính sách ban hành chỉ mang tính chất tình thế, trước mắt, chưa giải quyết các vấn đề cơ bản, lâu dài.

### **Khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi**

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ bài học kinh nghiệm rút ra trong 6 tháng đầu năm.

Thứ nhất, phải chọn lọc và kế thừa những kinh nghiệm quý, bài học hay để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và đại hội Đảng các cấp, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp, căn cứ tình hình thực tế để chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt, đúng hướng, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, thích ứng với tình hình.

Thứ hai, phải đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, phát huy sự sáng tạo, chủ động, linh hoạt của cấp dưới.

Thứ ba, phải tích cực tháo gỡ những điểm nghẽn của nền kinh tế, nhất là liên quan đến thể chế, cơ chế, chính sách; với những nội dung cần trình cấp trên thì phải chuẩn bị kỹ lưỡng trên cơ sở khoa học, lý luận, thực tiễn, pháp lý. Những vấn đề đã “chín”, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, thực hiện có hiệu quả, được đa số đồng tình thì tiếp tục thực hiện; những vấn đề chưa có quy định hoặc vượt quy định thì mạnh dạn thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội. Thủ tướng Chính phủ lấy ví dụ về mô hình phong tỏa “3 lớp”, thí điểm cách ly F1 tại nhà...

Thứ tư, tích cực, chủ động tìm ra nguồn lực mới, động lực mới từ nhân dân, từ xã hội để thúc đẩy phát triển, trên tinh thần xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, bám sát thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo. Thời gian qua, một số địa phương đã có những cách làm rất hay, cần nhân rộng trong việc lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư.

Thứ năm, càng khó khăn, càng phức tạp thì càng phải bình tĩnh, giữ đúng nguyên tắc, phát huy dân chủ, tôn trọng tập thể, quyết định theo đa số, không bi quan, lo sợ, giữ vững bản lĩnh, lấy khó khăn, thách thức làm động lực để phấn đấu, vươn lên, khẳng định và trưởng thành, phát huy sức mạnh đại đoàn kết, tinh thần tương thân, tương ái, khiêm tốn, cầu thị, lắng nghe và học hỏi.

Thứ sáu, không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, không say sưa với những thắng lợi, thành tích, kết quả đạt được ban đầu, không được “ngủ quên trên vòng nguyệt quế” như căn dặn của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. “Khi chiến thắng, thành công thì áp lực lớn nhất, kẻ thù lớn nhất chính là sự chủ quan, lơ là, thỏa mãn”, Thủ tướng Chính phủ lưu ý.

Thứ bảy, kết hợp hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa phòng ngừa và tấn công trong phòng chống dịch (phòng ngừa là cơ bản, chiến lược, lâu dài, quyết định; tấn công là chủ động, quyết liệt, hiệu quả và dứt điểm, nhanh chóng ổn định tình hình).

Theo Thủ tướng Chính phủ, dự báo tình hình thời gian tới có cả thuận lợi và thời cơ, khó khăn và thách thức đan xen nhau, trong đó phải xác định khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi. Nhưng không được vì thế mà bi quan, lo sợ, “xác định như vậy để nỗ lực nhiều hơn, quyết tâm cao hơn, cố gắng, quyết liệt hơn”. Xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, “tự vươn lên từ bàn tay khối óc, khung trời, cửa biển”, “biển khó thành dễ, biển không thể thành có thể...”, không trông chờ ỷ lại một cách thụ động để phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, chúng ta thống nhất chưa thay đổi mục tiêu đã đề ra và thống nhất với 2 kịch bản tăng trưởng được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng (tăng trưởng

GDP cả năm 6% theo kịch bản 1 và 6,5% theo kịch bản 2); đồng thời, nhấn mạnh, kịch bản nào thì cũng phải cố gắng rất nhiều với các giải pháp khả thi, hiệu quả mới có thể đạt được.

### **Quan điểm lớn trong chỉ đạo thực hiện**

Từ mục tiêu và nhận thức đó, quan điểm chỉ đạo là phải kiên trì thực hiện mục tiêu kép nhưng không máy móc, cứng nhắc, căn cứ tình hình thực tế tại mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương ở từng thời điểm khác nhau để lựa chọn mục tiêu ưu tiên. Phải chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hài hòa giữa phòng chống dịch bệnh và phát triển kinh tế - xã hội. Có nơi, có lúc phải ưu tiên cho nhiệm vụ phòng chống dịch; có nơi, có lúc phải ưu tiên cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; có nơi, có lúc phải đồng thời cân bằng, hài hòa cả hai mục tiêu, nhiệm vụ này.

Điều hành hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách khác, vừa giữ ổn định vĩ mô, vừa thúc đẩy phát triển, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn.

Xác định nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài, quyết định; ngoại lực là quan trọng, đột phá. Đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện 3 khâu đột phá chiến lược và 6 nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhất là về hoàn thiện thể chế và xây dựng hạ tầng chiến lược, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chấm dứt tình trạng đầu tư công dàn trải, kéo dài, manh mún, kém hiệu quả.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, phòng chống COVID-19 là nhiệm vụ phải tập trung trong thời điểm hiện nay trên phạm vi toàn quốc và ở một số địa phương. Phải lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thành công chiến lược vaccine. Trong bối cảnh nguồn cung vaccine trên toàn cầu rất khan hiếm từ nay đến tháng 9, phải tiếp cận, mua vaccine một cách bình đẳng, nhanh nhất, nhiều nhất có thể, đồng thời tổ chức điều phối phù hợp với tình hình; thúc đẩy chuyển giao công nghệ và nghiên cứu, sản xuất vaccine trong nước; tổ chức tiêm vaccine hiệu quả, kịp thời. Hết sức linh hoạt trong phong tỏa, cách ly, vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

Đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, xây dựng và bảo vệ thương hiệu, nâng cao chất lượng sản phẩm của các mặt hàng có thế mạnh, nhất là rau củ quả để tiếp tục mở rộng thị trường, tận dụng hiệu quả các FTA đã ký kết. Bảo đảm mục tiêu cán cân thương mại hài hòa, bền vững; có biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến chế tạo. Bảo đảm an ninh năng lượng; có chính sách phát triển năng lượng dài hạn, bám sát hình hình thực tế và theo cơ chế thị trường, hoàn thành Quy hoạch điện VIII, phát triển cơ cấu nguồn điện hợp lý.

Mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản, nhất là trái cây, có chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp dài hạn, hạn chế tình trạng phải “giải cứu”, có chính sách ưu tiên phù hợp với các sản phẩm có thế mạnh, quan tâm xây dựng thương hiệu, các khâu sau thu hoạch... để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp.

Ngành dịch vụ cần đổi mới mạnh mẽ, tính toán, tổ chức lại để giảm chi phí vận tải, bên cạnh vấn đề lâu dài là phát triển hạ tầng chiến lược thì cần giải quyết ngay những khó khăn trước mắt. Tính toán triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng nội địa, mở rộng thị



trường trong nước. Thủ tướng Chính phủ nhắc tới việc tỉnh Bắc Giang tiêu thụ hơn 200.000 tấn vải thiêu trong bối cảnh dịch bệnh như một ví dụ cho thấy “cái khó ló cái khôn”.

Bối cảnh hiện nay là thời cơ thuận lợi cho chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số, cần có kế hoạch, chương trình để thúc đẩy.

Thời gian tới, Chính phủ sẽ bàn chuyên đề riêng về huy động các nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển, giải quyết tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy hợp tác công tư trên tất cả các lĩnh vực, nhất là trong đầu tư phát triển hạ tầng chiến lược; tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách trong giải ngân vốn ODA.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, có giải pháp khôi phục lao động, việc làm ngay tại những nơi có dịch theo hướng thích nghi với điều kiện mới, “vừa sản xuất, vừa chống dịch” như kinh nghiệm tại các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang vừa qua, không để đứt gãy thị trường lao động.

Đẩy mạnh công tác phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, gắn với cải cách hành chính và trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo các cấp, xây dựng bộ máy trong sạch, vững mạnh, loại bỏ tham nhũng vặt. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh, đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và giữ vững môi trường hòa bình để phát triển đất nước, tăng cường ngoại giao vaccine.

Tiếp tục coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư cơ sở vật chất và nguồn lực cho công tác thông tin - tuyên truyền để tạo đồng thuận xã hội, dứt khoát không để khủng hoảng truyền thông.

Nhấn mạnh yêu cầu các Bộ, cơ quan, địa phương phải chủ động, nỗ lực giải quyết các nhiệm vụ tồn đọng, kéo dài theo tinh thần “làm việc nào dứt điểm việc đó”, Thủ tướng Chính phủ nhắc tới một số ví dụ cụ thể như tuyến đường sắt trên cao Cát Linh - Hà Đông, dự án chống ngập tại TP. Hồ Chí Minh đừng để dây dưa, kéo dài...

Thủ tướng Chính phủ lưu ý các Bộ, cơ quan, địa phương quan tâm kết thúc thắng lợi năm học, tổ chức tốt kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia nghiêm túc, an toàn, tạo thuận lợi nhất cho thí sinh và gia đình trong điều kiện dịch COVID-19.

“Chính phủ tiếp tục kêu gọi nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp tiếp tục đồng hành, ủng hộ Đảng, Nhà nước, Chính phủ để vượt qua mọi khó khăn, thách thức và thực hiện bằng được các mục tiêu, giải pháp mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra, các chỉ tiêu, nhiệm vụ được Quốc hội giao. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kép, mục tiêu kép, không thể thiếu sự đồng hành, chia sẻ của nhân dân, của doanh nghiệp”, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## NGÀNH NỘI VỤ: HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC SƠ KẾT CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM, TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

Sáng ngày 02/7, tại trụ sở Bộ, Bộ Nội vụ tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2021 của ngành Nội vụ. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà chủ trì Hội nghị.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh, trong bối cảnh rất khó khăn của cả nước do tác động, ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ quyết liệt tập trung thực hiện "mục tiêu kép" vừa phòng chống dịch COVID-19 vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, 6 tháng đầu năm 2021, ngành Nội vụ đã cố gắng, nỗ lực vượt bậc, hoàn thành khối lượng công việc lớn, đóng góp quan trọng vào kết quả chung của Đất nước và từng địa phương.

Nổi bật là cả hệ thống ngành Nội vụ từ Bộ Nội vụ đến các Sở, Phòng Nội vụ địa phương đã chủ động tham mưu, góp phần rất tích cực vào sự thành công của Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; không ngừng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, quản lý ngành, bám sát tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Đại hội các Đảng bộ địa phương, khẩn trương tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên tất cả các mặt công tác của ngành Nội vụ, tạo sự ổn định và nền tảng quan trọng để tiếp tục đổi mới, phát triển và hội nhập của Ngành.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, Bộ trưởng cho rằng ngành Nội vụ vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế cần khắc phục, trong đó có sự chông chéo, chưa đồng bộ, thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, ngành; trách nhiệm, năng lực và sự năng động, sáng tạo của một bộ phận công chức, viên chức còn hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu, đòi hỏi của công việc. Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà đề nghị, với tinh thần trách nhiệm, các đại biểu tham dự Hội nghị tập trung làm rõ, đề xuất, kiến nghị những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đối với một số nội dung trọng tâm: Đánh giá chất lượng tham mưu, đề xuất xây dựng thể chế, chính sách trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ; Đề xuất các giải pháp củng cố, nâng cao hiệu quả sự phối hợp công tác giữa Bộ, ngành Trung ương và các địa phương; Đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện tốt phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Báo cáo tại Hội nghị, Chánh Văn phòng Bộ Vũ Đăng Minh cho biết, trong 6 tháng đầu năm, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ ban hành 05 Nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 Quyết định và 01 Chỉ thị; ban hành theo thẩm quyền 03 Thông tư và 03 Văn bản hợp nhất các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tập trung xây dựng, hoàn thiện dự án Luật Thi đua - Khen thưởng (sửa đổi), Luật Lưu trữ (sửa đổi) và Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và các văn bản, đề án trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Về công tác xây dựng tổ chức bộ máy và quản lý biên chế, Bộ Nội vụ đã tham mưu Ban Cán sự đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị thông qua Đề án Cơ cấu Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 để trình Quốc hội khóa XV xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ nhất; đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện các Nghị định liên quan về tổ chức bộ máy, biên chế, tinh giản biên chế và vị trí việc làm; tích cực rà soát, đánh giá, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền cho các bộ, ngành, địa phương thuộc lĩnh vực Nội vụ.

Về quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Nội vụ đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý; dự thảo Nghị định quy định về thực hiện chế độ hợp đồng tại cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; đã ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; đồng thời chủ động rà soát và đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về việc bỏ quy định bắt buộc chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học và cắt giảm quy định về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp viên chức trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai thực hiện phân cấp triệt để trong công tác tuyển dụng, tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức; nghiên cứu đổi mới nội dung, hình thức thi tuyển, thi nâng ngạch công chức. Tập trung hoàn thiện Chiến lược quốc gia thu hút và trọng dụng nhân tài; Đề án thống nhất kiểm định chất lượng đầu vào công chức; đẩy mạnh ứng dụng phần mềm thi tuyển và thi nâng ngạch công chức; tập trung nghiên cứu xây dựng dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; tập trung thẩm định nhân sự trình Ban Cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến trước khi bổ nhiệm, bầu chức danh Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương theo quy định. Tập trung hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 101/2017/NĐ-CP theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Về xây dựng chính quyền địa phương, địa giới hành chính, Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng bầu cử Quốc gia hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thành công Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp. Bộ đã chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng tham mưu cho Chính phủ tổ chức triển khai mô hình chính quyền đô thị tại 3 thành phố theo Nghị quyết của Quốc hội khóa XIV bảo đảm kịp thời, ổn định để triển khai công tác bầu cử theo chỉ đạo của Trung ương. Tham mưu cho Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập đơn vị hành chính của một số địa phương. Tổ chức đánh giá, chuẩn bị tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021, Nghị quyết số 1211/2016/QH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để có giải pháp phù hợp tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp trong giai đoạn 2021 - 2026 và nghiên cứu xây dựng đề án thí điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Sở Nội vụ đã chủ động, tích cực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện tổ chức thành công cuộc bầu cử bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân

dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về thủ tục, quy trình bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp để kịp trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại Kỳ họp thứ nhất; xây dựng chính quyền địa phương, quản lý địa giới hành chính các cấp; tập trung triển khai sắp xếp, thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới, nâng cấp đô thị trong địa bàn theo quy định.

Về chính sách tiền lương: Trình Thủ tướng Chính phủ kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách chính sách tiền lương; đồng thời, tập trung nghiên cứu xây dựng quy định về chế độ tiền lương mới nhằm cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp cải cách chính sách tiền lương tại Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế và khả năng ngân sách.

Về cải cách hành chính: Thực hiện tốt các nhiệm vụ của cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; tổ chức thành công Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2020; xây dựng, trình Chính phủ xem xét, phê duyệt Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Công tác tín ngưỡng, tôn giáo: Bộ đã triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; chấn chỉnh kịp thời các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, vi phạm pháp luật; tuyên truyền, vận động các tổ chức tôn giáo tích cực tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; tham mưu tổ chức buổi gặp mặt của Chủ tịch nước với Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chuẩn bị tốt cho buổi gặp mặt của Thủ tướng Chính phủ với các tổ chức, chức sắc, chức việc tôn giáo; tổ chức thăm, chúc mừng các tổ chức tôn giáo nhân dịp ngày lễ trọng như lễ Phật đản, lễ Phục sinh, tết Chol Chnam Thmay... Do vậy, tình hình tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản ổn định, chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.

Công tác thi đua, khen thưởng: Bộ đã tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương; Chỉ thị về phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và Kế hoạch 5 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; kịp thời hướng dẫn công tác xét khen thưởng trong về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; khen thưởng các cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Sở Nội vụ các địa phương đã chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định về việc tổ chức các Cùm, Khối thi đua của tỉnh năm 2021 và triển khai đăng ký thi đua của năm 2021...

Công tác văn thư, lưu trữ: Tập trung hoàn thiện các Đề án: “Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước lĩnh vực văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung thống nhất tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước”, “Công bố tài liệu lưu trữ quốc gia phục vụ công cuộc đổi mới đất nước và phát triển kinh tế xã hội”; hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương về nghiệp vụ kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ. Công tác quản

lý nhà nước về văn thư, lưu trữ ở các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục được quan tâm, triển khai thực hiện có hiệu quả.

Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trên các lĩnh vực công tác khác như: công tác thanh niên, công tác quản lý hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức phi chính phủ, công tác chiến lược phát triển ngành và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Nội vụ, công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới, công tác dân vận, dân chủ, công tác thanh tra, kiểm tra và pháp chế, công tác đối ngoại, nghiên cứu khoa học và thông tin báo chí,... luôn được quan tâm, theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc sát sao, hướng dẫn nghiệp vụ, góp phần quan trọng giúp cho công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ ngày càng chặt chẽ, đúng quy định.

Về phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2021, Chánh Văn phòng Bộ Vũ Đăng Minh cho biết, Bộ Nội vụ đề ra 5 nhiệm vụ trọng tâm:

Một là, tập trung hoàn thiện Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) để trình Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ hai thông qua vào tháng 10/2021.

Hai là, tiếp tục tổ chức xây dựng Dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi), Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Ba là, tập trung xây dựng, hoàn thiện các văn bản, đề án đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm 2021.

Bốn là, thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ trong Chương trình hành động của Bộ Nội vụ thực hiện Nghị quyết XIII của Đảng trong năm 2021.

Năm là, các Bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Nội vụ được cấp có thẩm quyền giao trong năm 2021 bảo đảm chất lượng, tiến độ; đồng thời, duy trì thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo của ngành Nội vụ để kịp thời tích hợp vào cơ sở dữ liệu báo cáo Quốc gia theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Phát biểu tại Hội nghị, đại diện Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã báo cáo, làm rõ thêm những nhiệm vụ, kết quả công tác, cũng như khó khăn, vướng mắc tại địa phương, đồng thời kiến nghị và đề xuất giải pháp để ngành Nội vụ thực hiện tốt hơn nhiệm vụ trong 6 tháng cuối năm 2021 cũng như các năm tới.

Cũng tại Hội nghị, các Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa, Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng, Thứ trưởng Trương Hải Long đã giải đáp về những vấn đề, kiến nghị của các địa phương ở một số lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ và ngành Nội vụ.

Phát biểu kết luận tại Hội nghị, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà đánh giá cao kết quả công tác đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021 của Bộ Nội vụ và ngành Nội vụ, Bộ trưởng đề nghị Văn phòng Bộ tiếp thu đầy đủ ý kiến của các Sở Nội vụ và ý kiến trao đổi, giải pháp của các đồng chí Thứ trưởng, hoàn thiện dự thảo đề báo cáo đầy đủ về công tác 6 tháng đầu năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà ghi nhận và biểu dương những cố gắng, nỗ lực và kết quả toàn ngành Nội vụ đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2021, trong đó đặc biệt ghi nhận sự nỗ lực, cố gắng của các Sở Nội vụ thuộc 63 tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương trong thời gian qua đã đóng góp lớn vào thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trong bối cảnh đặc biệt khó khăn phức tạp của đại dịch COVID-19, cho thấy ngành Nội vụ đã quyết tâm cao thực hiện nhiệm vụ chính trị và đạt được nhiều kết quả quan trọng, khẳng định được niềm tin của người dân đối với Đảng, đối với Nhà nước và đối với chế độ ta.

Để tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, tham mưu xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, tinh gọn, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngang tầm nhiệm vụ, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà nhận định nhiệm vụ của ngành Nội vụ thời gian tới rất nặng nề, khó khăn và nhiều việc rất phức tạp, nhạy cảm, nếu không có sự quyết tâm, nỗ lực và không năng động, sáng tạo sẽ không làm được.

Với tinh thần đoàn kết, thống nhất cao và nỗ lực lớn để thực hiện toàn diện các nhiệm vụ của ngành Nội vụ, Bộ trưởng đề nghị toàn ngành tập trung vào 5 nhiệm vụ trọng tâm:

Thứ nhất, bám sát vào tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và chương trình hành động của Chính phủ, của Bộ Nội vụ cũng như của địa phương, đề tập trung đổi mới nội dung, phương thức chỉ đạo, điều hành, bám sát thực tiễn địa phương, bám sát cơ sở; dám nghĩ, dám làm, dám đột phá để giải quyết được những vấn đề rất lớn mà xã hội đang mong đợi; triển khai đồng bộ, toàn diện, quyết liệt, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả nhiệm vụ chính trị của Bộ và ngành Nội vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và chiến lược phát triển của ngành Nội vụ.

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, đáp ứng yêu cầu của Ngành, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành để khơi thông những điểm nghẽn, vướng mắc để thúc đẩy sự phát triển; Căn cứ vào điều kiện thực tiễn, đặc thù, Sở Nội vụ tập trung tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về cơ chế, chính sách để thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nội vụ.

Thứ ba, rà soát, đánh giá kết quả sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế các đơn vị hành chính - sự nghiệp một cách toàn diện.

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách cái chế độ công vụ, công chức trong hệ thống chính trị, gắn với việc thực hiện Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Thứ năm, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả chức năng quản lý nhà nước của ngành Nội vụ trên tất cả các mặt công tác.

Trong khuôn khổ Hội nghị trực tuyến, Chánh Văn phòng Bộ Vũ Đăng Minh đã công bố Quyết định số 773/QĐ-BNV, ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho 13 Sở Nội vụ và 13 cá nhân thuộc Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có thành tích xuất sắc trong việc tham mưu tổ chức bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*Nguồn: moha.gov.vn*

## PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: THÁO GỠ KHÓ KHĂN CHO DOANH NGHIỆP DU LỊCH CHỊU ẢNH HƯỞNG BỞI COVID-19

Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam vừa chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Trước tác động nặng nề của đại dịch COVID-19, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp du lịch nói riêng vượt qua khó khăn, duy trì hoạt động. Tuy nhiên, là một những ngành bị thiệt hại nặng nề nhất, các doanh nghiệp du lịch chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn rất khó khăn khi diễn biến của dịch bệnh tiếp tục phức tạp.

Trước khó khăn trên, một số cơ quan chức năng (Hiệp hội Du lịch Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch...) đã đề nghị Thủ tướng Chính phủ một số cơ chế, chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch như: Xem xét giảm thuế VAT, giảm thuế tiêu thụ đặc biệt, giảm tiền thuê đất và giãn nộp thuế...

Sau khi xem xét kiến nghị của các bộ, ngành liên quan, Phó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu kiến nghị, đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp cấp bách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn do tác động của đại dịch COVID-19 đối với ngành du lịch; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II/2021.

Vừa qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ. Sau khi xem xét báo cáo và kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam giao các Bộ, cơ quan: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Tài chính, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao nghiên cứu các kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## NGÀNH TÀI CHÍNH: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - MŨI NHỌN ĐỘT PHÁ CẢI CÁCH

Bộ Tài chính sẽ tập trung vào một trong những định hướng lớn và cũng là một mũi nhọn đột phá cải cách hành chính của ngành trong giai đoạn tới, đó là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Theo kết quả công bố mới đây về Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 (PAR Index) của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính xếp vị trí thứ 2 với kết quả Chỉ số cải cách hành chính đạt 94,84%. Đây là năm thứ 7 liên tiếp (2014 - 2020), Bộ Tài chính nằm trong nhóm 3 Bộ, cơ quan ngang bộ dẫn đầu PAR Index.

### **Cải cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực**

Trong thời gian qua, Bộ Tài chính luôn coi cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và quyết liệt triển khai công tác này một cách đồng bộ và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực tài chính. Vì vậy, công tác cải cách hành chính của Bộ Tài chính không chỉ đạt kết quả tích cực trong từng lĩnh vực riêng lẻ mà giữa các lĩnh vực đã có sự hỗ trợ cho nhau, tạo hiệu ứng nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trong tất cả lĩnh vực tài chính. Từ đó, tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho người dân, doanh nghiệp, góp phần phát huy mọi nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tài chính đã được triển khai thực hiện nghiêm túc, đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng, kể cả các đề án, nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch.

Công tác cải cách thể chế tài chính và những nỗ lực trong triển khai thực hiện với các giải pháp điều hành cụ thể, thiết thực đã tác động tích cực đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, bám sát yêu cầu. Qua đó, không chỉ góp phần hoàn thiện khung khổ pháp lý trong lĩnh vực tài chính - ngân sách nhà nước, mà còn tích cực hỗ trợ cho công cuộc phòng, chống dịch COVID-19, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, người dân ứng phó với dịch bệnh.

Về cải cách thủ tục hành chính, bám sát mục tiêu, yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính luôn chủ động trong cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Từ đầu năm 2020 đến nay, Bộ Tài chính đã thực hiện cắt giảm 236 thủ tục hành chính, đơn giản hoá 73 thủ tục hành chính.

Theo đó, từ năm 2020 đến nay (tính đến 23/6/2021), tổng số thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính là 895 thủ tục hành chính. Trong đó, đã thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 100% thủ tục hành chính, cụ thể: mức độ 1 là 94 thủ tục, mức độ 2 là 281 thủ tục, mức độ 3 là 80 thủ tục, mức độ 4 là 440 thủ tục. Hiện nay, Bộ Tài chính đã hoàn thành tích hợp, chia sẻ kết nối 285/520 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Về cơ bản, các thủ tục hành chính lĩnh vực tài chính ngày càng được hoàn thiện theo hướng thống nhất, đồng bộ, đơn giản, công khai, minh bạch, tăng tính liên thông, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Về hiện đại hóa hành chính, Bộ Tài chính đã chủ động, quyết liệt triển khai chủ trương xây dựng chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số và nền kinh tế số, từng bước đưa ứng



dụng công nghệ thông tin trở thành một công cụ hỗ trợ đắc lực cho quá trình quản lý và điều hành ngân sách và tài chính.

Theo đó, đã tập trung triển khai các hệ thống thông tin lớn, cốt lõi, mang tính tích hợp cao theo phương thức tập trung trên các lĩnh vực chuyên ngành, từng bước hình thành hệ thống thông tin tài chính tích hợp. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được nghiên cứu, xây dựng trên nền tảng ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn từng bước đáp ứng được yêu cầu quản lý, điều hành và hoạch định chính sách của ngành Tài chính, đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành Tài chính cho các Bộ, ngành, địa phương, giữa các đơn vị trong và ngoài ngành Tài chính.

Thực tế cho thấy, công tác hiện đại hóa trong lĩnh vực tài chính - ngân sách đã được Bộ Tài chính chú trọng đẩy mạnh và đã đạt được những bước tiến lớn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của ngành. Đặc biệt là trong lĩnh vực thuế và hải quan đã có quyết tâm và nỗ lực lớn để triển khai tốt các nghị quyết của Chính phủ.

Nhờ có sự chỉ đạo sát sao, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các ngành, các cấp với quyết tâm cao, năm 2020, Bộ Tài chính đã hoàn thành nhiều mục tiêu, nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước quan trọng mà Đảng và Nhà nước giao, góp phần vào hoàn thành thắng lợi mục tiêu chung của cả nước, đó là vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế, ổn định an ninh trật tự xã hội.

### **Ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao về phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Thứ trưởng Bộ Tài chính Tạ Anh Tuấn cho biết, trong thời gian tới ngành Tài chính sẽ tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong thời gian qua để xây dựng ngành Tài chính với bộ máy tinh gọn; đội ngũ công chức đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ. Đồng thời, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để hiện đại hóa hoạt động của ngành nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Trong thời gian tới, ngành Tài chính sẽ lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế tài chính đồng bộ, hiện đại là điều kiện tiên quyết thúc đẩy sự phát triển của ngành nói riêng và của đất nước nói chung. Đồng thời, đổi mới toàn diện công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật tài chính, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch và công bằng, hướng tới sự phát triển nhanh, bền vững.

Ngành Tài chính sẽ xây dựng và thực hiện các giải pháp chính sách khắc phục tác động của dịch bệnh COVID-19, nhanh chóng phục hồi kinh tế, tận dụng hiệu quả các cơ hội mới cho phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, ngành Tài chính tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, uỷ quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đổi mới phân cấp ngân sách nhà nước, phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương,

đồng thời đảm bảo tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích và thúc đẩy sáng tạo của chính quyền địa phương.

Đối với công tác cải cách thủ tục hành chính, sẽ tiếp tục thực hiện theo hướng thực chất, lấy doanh nghiệp, người dân làm trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; thúc đẩy, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tham gia hoạt động kinh doanh; cắt giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, người dân trong việc tuân thủ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính cũng sẽ tập trung vào một trong những định hướng lớn và cũng là một mũi nhọn đột phá cải cách hành chính của ngành Tài chính trong giai đoạn tới đó là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để thúc đẩy cải cách hành chính. Nhóm giải pháp này nhằm thúc đẩy phát triển nền kinh tế số với mục tiêu hướng tới là xây dựng nền tài chính số kết nối với các bên thông qua việc chia sẻ dữ liệu và các nền tảng số hóa để cho phép nhiều bên tạo ra các dịch vụ tài chính thông minh, đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp hiện nay.

*Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn*

## NGÀY 01/7, CÁC NHÀ XE ĐƯỢC ĐĂNG KÝ KHAİ THÁC TUYẾN VẬN TẢI BẰNG PHẦN MỀM

Bộ Giao thông vận tải sẽ chính thức đưa vào sử dụng phần mềm dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định từ ngày 01/7 tại địa chỉ <https://tuyenvantai.mt.gov.vn>

Việc này nhằm triển khai hiệu quả các quy định tại Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Theo đó, thay vì gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bru điện đến cơ quan quản lý tuyến, các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định sẽ căn cứ vào Danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định - “biểu đồ” chạy xe theo tuyến đã công bố để lựa chọn giờ xuất bến và đăng ký khai thác tuyến trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến. Toàn bộ quá trình lựa chọn tuyến đăng ký khai thác, giờ biểu đồ, nộp hồ sơ đăng ký, theo dõi tiến trình của hồ sơ, nhận kết quả của đơn vị kinh doanh vận tải và quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ, thông báo kết quả của cán bộ chuyên môn tại các Sở Giao thông vận tải đều được thực hiện trên môi trường trực tuyến. Thời gian xử lý được rút ngắn từ 7 ngày xuống còn 3 ngày.

Bộ Giao thông vận tải đang cung cấp 254 dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4; trong đó, có 90 dịch vụ công trực tuyến mức 3 và 164 dịch vụ công mức 4. Bộ dự kiến đến cuối năm nay sẽ hoàn thành việc đưa toàn bộ 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên cung cấp trực tuyến mức 4 cho người dân, doanh nghiệp.

Trước đó, từ cuối năm 2020 Bộ Giao thông vận tải cũng phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến 2030. Chương trình xác định Giao thông vận tải là Ngành tiên phong về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số toàn diện để thực hiện các mục tiêu chiến lược của ngành. Ứng dụng công nghệ số và sử dụng dữ liệu số một cách sâu rộng trong toàn bộ hoạt động quản lý để phát triển cơ sở hạ tầng giao thông hiện đại, bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn giao thông phục vụ nhân dân.

*Nguồn: doanh nghiệpvn.vn*

## BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: CHẤM CHỈNH CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Kết quả chỉ số cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đứng thứ 16 trong số 17 Bộ, ngành. Nhìn vào thực tế này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xác định sẽ “lượng hóa” cụ thể những nhiệm vụ chưa hoàn thành, yêu cầu lãnh đạo các đơn vị cam kết nếu không hoàn thành phải chịu trách nhiệm theo quy định.

Ngày 28/6, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức cuộc họp đánh giá về công tác cải cách thủ tục hành chính thời gian qua. Tại cuộc họp, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phùng Đức Tiến nêu rõ, phải làm rõ những nguyên nhân ảnh hưởng đến vị trí xếp hạng cải cách hành chính của ngành.

Năm 2020, Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt thấp hơn 2 năm trước, từ vị trí thứ 4 xuống xếp hạng ở vị trí thứ 9 trong tổng số 17 bộ, ngành...

Đáng chú ý, chỉ số cải cách hành chính lĩnh vực “cải cách thủ tục hành chính” của Bộ đạt thấp, xếp thứ 16 trong tổng số 17 Bộ, ngành, thấp nhất về thứ hạng trong 7 lĩnh vực được đánh giá. Hầu hết các lĩnh vực còn lại xếp thứ hạng ở khoảng giữa của 17 Bộ, ngành.

Các đại biểu cho rằng, để nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp cần tiếp tục loại bỏ những thủ tục hành chính không hợp lý; nâng cao trách nhiệm cán bộ giải quyết thủ tục hành chính; rà soát các tài liệu chuyên ngành, các hồ sơ chưa thể hiện dữ liệu số; đầu tư công nghệ thông tin để hiện đại hóa các thủ tục hành chính được giao...

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nguyễn Thị Kim Anh cho rằng, nếu không khắc phục những tồn tại và hạn chế thì việc khôi phục lại vị trí xếp hạng về cải cách thủ tục hành chính của Bộ sẽ khó thực hiện. Bà Kim Anh cho biết cần coi trọng hơn những đánh giá về tính hợp lý, phù hợp, khả thi và đặc biệt là tính kịp thời. “Kịp thời ở đây là ban hành văn bản kịp thời, tổ chức xây dựng văn bản kịp thời, những ý kiến từ tổ chức cá nhân gửi đến Bộ cũng cần giải quyết kịp thời”, bà Kim Anh phân tích.

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phùng Đức Tiến yêu cầu, các đơn vị tiếp tục rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm theo từng lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần.

Theo đó, xác định rõ những tồn tại, hạn chế, có biện pháp khắc phục kịp thời để nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính của Bộ và các đơn vị trong thời gian tới. Thứ trưởng Phùng Đức Tiến cho rằng, cải cách thủ tục hành chính mà không hành động quyết liệt thì sẽ bị tụt hậu. Vì vậy, các đơn vị tập trung rà soát các nội dung, nhiệm vụ Kế hoạch cải cách hành chính đã thực hiện 6 tháng qua, kịp thời điều chỉnh bổ sung theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ để triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, bám sát các yêu cầu quy định tiêu chí, tiêu chí thành phần theo Bộ Chỉ số cải cách hành chính đã quy định.

Thứ trưởng Phùng Đức Tiến nhấn mạnh, trong thời gian ngắn phải khôi phục lại vị trí xếp hạng của Bộ trong cải cách thủ tục hành chính: “Vụ Tổ chức cán bộ cùng với Văn phòng xây dựng tiêu chí đánh giá chấm điểm cải cách thủ tục hành chính của các đơn vị. Các đơn vị sẽ tiến hành họp 3 tháng/lần, 6 tháng sơ kết và tổng kết sau 1 năm. Những thủ tục nào thuộc đơn vị nào đã hoàn thành và chưa hoàn thành phải chấm điểm cụ thể, phải lượng hóa”. Thứ trưởng Phùng Đức Tiến yêu cầu “lãnh đạo các cục, vụ phải cam kết trách nhiệm, nếu không hoàn thành phải chịu trách nhiệm theo quy định”.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: CÔNG BỐ BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA**

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, ngày 24/6/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ.

Bộ Thủ tục hành chính được chuẩn hóa và công bố gồm: 123 thủ tục thực hiện tại 04 cấp hành chính, trong đó:

Thủ tục hành chính cấp trung ương, gồm 82 thủ tục trên các lĩnh vực: Giáo dục đại học; giáo dục dân tộc; giáo dục nghề nghiệp; giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; kiểm định chất lượng giáo dục; đào tạo với nước ngoài; văn bằng, chứng chỉ; thi, tuyển sinh; tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Thủ tục hành chính cấp tỉnh, gồm 83 thủ tục trên các lĩnh vực: Giáo dục trung học; giáo dục nghề nghiệp; giáo dục dân tộc; giáo dục thường xuyên; giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác; kiểm định chất lượng giáo dục; giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; đào tạo với nước ngoài; thi, tuyển sinh; văn bằng, chứng chỉ.

Thủ tục hành chính cấp huyện, gồm 36 thủ tục trên các lĩnh vực: Giáo dục mầm non; giáo dục tiểu học; giáo dục trung học; giáo dục dân tộc; giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác.

Thủ tục hành chính cấp xã, gồm 35 thủ tục trên các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác.

Bên cạnh đó, Bộ Thủ tục hành chính được chuẩn hóa cũng quy định nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính: Trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; cơ quan thực hiện: mẫu đơn, tờ khai; phí, lệ phí (nếu có); kết quả thực hiện thủ tục; điều kiện thực hiện; căn cứ pháp lý...

Ngoài ra, Quyết định cũng ban hành danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trên các lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; lĩnh vực đào tạo với nước ngoài gồm: 09 thủ tục cấp trung ương; 01 thủ tục cấp tỉnh; 01 thủ tục cấp huyện.

Xây dựng và công bố Bộ Thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong phạm vi chức năng quản lý của Bộ góp phần hệ thống hóa thủ tục hành chính một cách thống nhất, đồng bộ, từ đó, rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính, tiến tới đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tạo thuận lợi cho công chức trong quá trình thực thi công vụ, cơ sở giáo dục, người dân, tổ chức liên quan trong quá trình thực hiện.

*Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

## THANH TRA CHÍNH PHỦ: KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Ngày 23/6/2021, Thanh tra Chính phủ đã có Báo cáo số 985/BC-TTCP về công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện cải cách hành chính đã bám sát nội dung, yêu cầu của Kế hoạch Cải cách hành chính năm, Kế hoạch công tác năm của ngành. Kết quả đạt được trên các lĩnh vực cụ thể như sau:

Thứ nhất, về cải cách thể chế, Thanh tra Chính phủ đã triển khai xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành: Dự thảo Luật thanh tra (sửa đổi); Quyết định 695/QĐ-TTg ngày 10/5/2021 ban hành Đề án “Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả giám sát, kiểm tra, thanh tra nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong doanh nghiệp nhà nước”; Xây dựng Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2030 và kế hoạch thực hiện Công ước liên hợp quốc về chống tham nhũng; Xây dựng dự thảo các nghị định; Ban hành 02 thông tư. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, pháp điển hóa văn bản quy phạm pháp luật; Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; Công tác theo dõi thi hành pháp luật; Công tác góp ý văn bản và hướng dẫn nghiệp vụ; Công tác thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được triển khai đảm bảo công khai, minh bạch, đồng bộ, kịp thời.

Thứ hai, về cải cách thủ tục hành chính, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Quyết định công bố Thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng. Trong 6 tháng đầu năm 2021, Trụ sở Tiếp công dân Trung ương do Thanh tra Chính phủ phụ trách đã tiếp 3.853 lượt công dân với 1.258 vụ việc; đã xử lý 5.627 đơn, trong đó có 1.847 đơn đủ điều kiện, không để đơn tồn. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận được giải quyết đạt 100%. Thanh tra Chính phủ đã ban hành Quyết định số 261/QĐ-TTCP ngày 29/4/2021 về việc triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Trong 06 tháng đầu năm 2021, Thanh tra Chính phủ đã tiếp nhận 64 phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trên Hệ thống phản ánh kiến nghị Công dịch vụ công quốc gia, đã xử lý và trả lời 62 phản ánh, kiến nghị đạt tỷ lệ 96,8%.

Thứ ba, về cải cách tổ chức bộ máy, tiếp tục kiện toàn bộ máy cơ quan theo Nghị định số 50/2018/NĐ-CP ngày 09/04/2018 của Chính phủ, Thanh tra Chính phủ Ban hành Quyết định giao biên chế công chức hành chính năm 2021. Số biên chế hành chính hiện tại là 402, số biên chế được giao năm 2021 là 408. Tổng số biên chế đơn vị sự nghiệp hiện tại là 121, biên chế được giao là 133; Thực hiện việc chuyển đổi ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2019/NĐ-CP đối với 78 trường hợp đã ký hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP. Triển khai thực hiện Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về xử lý sai phạm trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức, Thanh tra Chính phủ đã ban hành 34 quyết định không thu hồi quyết định tuyển dụng công chức đối với các trường hợp được tuyển dụng công chức không bảo đảm quy trình, thủ tục trước ngày 28/12/2017; ban hành 27 quyết định không thu hồi quyết định tuyển dụng công chức đối với các trường hợp bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng thuộc diện phải thi tuyển nhưng chưa thi tuyển; thông báo đồng ý kết quả tuyển dụng lại 12 viên chức của các đơn vị sự nghiệp. Về công tác tổ chức cán bộ, bộ máy của Ngành: Tham mưu văn bản gửi Bộ Nội vụ hướng dẫn các địa phương thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại Ban Tiếp công dân cấp tỉnh.

Thứ tư, về cải cách chế độ công vụ, tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 769/CT-TTCP ngày 17/5/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành Thanh tra. Thanh tra Chính phủ thực hiện đồng bộ các công tác quản lý công chức, đánh giá cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng, công tác chính sách cán bộ, công tác thi đua khen thưởng đối với công chức, viên chức ngành Thanh tra.

Thứ năm, về cải cách tài chính công, rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý tài chính, tài sản thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ theo quy định của Nhà nước: Dự thảo Quy chế sửa đổi, thay thế Quy chế phân cấp quản lý tài chính, tài sản của Thanh tra Chính phủ. Thực hiện nghiêm túc việc công khai quản lý tài chính; Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động; Tổ chức, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về quản lý tài chính, tài sản đối với các đơn vị trực thuộc, nhất là việc thực hiện cơ chế tự chủ.

Thứ sáu, về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, Thanh tra Chính phủ triển khai xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0. Trong 6 tháng đầu năm 2021, phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp vận hành, đã tiếp nhận hơn 10.000 văn bản đến từ các Bộ, ngành, địa phương và hơn 1500 văn bản đi của Thanh tra Chính phủ. Các

văn bản đi cơ bản được gửi qua Trực liên thông văn bản quốc gia (trừ văn bản mật). Lãnh đạo Thanh tra Chính phủ đã thực hiện chữ ký số đối với một số văn bản trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp. Thanh tra Chính phủ đã xây dựng, ban hành và kiểm soát hệ thống tài liệu, các quy trình giải quyết công việc theo đúng quy định; ban hành và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với TCVN ISO 9001:2015.

Các kết quả đã đạt được trong 6 tháng đầu năm của Thanh tra Chính phủ sẽ tạo tiền đề để hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm 2021 - năm mở màn thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính trong giai đoạn mới.

*Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

## THÁCH THỨC CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Sau khoảng 6 tháng thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021, môi trường kinh doanh của Việt Nam tiếp tục có sự cải cách. Tuy vậy, mức độ cải cách ở mỗi cấp có sự khác nhau.

### Nơi tích cực, nơi đối phó

Báo cáo thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP trong 6 tháng đầu năm 2021 vừa được Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện trình Chính phủ cho thấy, nhiều địa phương đã có sáng kiến góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP. Đơn cử như tỉnh Quảng Ninh, địa phương đã thành công trong việc thiết kế, phát triển và thực hiện Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành (DDCI).

Với việc thực hiện Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành đã góp phần nâng cao trách nhiệm công vụ, hiệu quả dịch vụ công và vị thế, hình ảnh của địa phương. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đã được nhiều địa phương tham khảo, phát triển và thực thi nhằm cải thiện và tạo lập hình ảnh địa phương có môi trường đầu tư, kinh doanh thân thiện, tận tâm phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, sáng kiến cơ chế đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp và người dân ở tỉnh Đồng Tháp cũng được nhân rộng và lan tỏa thực hiện ở nhiều địa phương...

Tuy nhiên, “bức tranh cải cách” không chỉ toàn màu hồng. Theo Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (CIEM), môi trường kinh doanh còn nhiều trở ngại như việc luật, điều kiện kinh doanh chồng chéo, không cần thiết, không minh bạch hoặc can thiệp quá sâu vào quyền tự quyết của doanh nghiệp... Trưởng ban Ban Nghiên cứu môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh thuộc Viện CIEM Nguyễn Minh Thảo đánh giá, do tác động của dịch COVID-19, các nhóm giải pháp của Chính phủ tập trung nhiều vào chống dịch, hỗ trợ doanh nghiệp dưới hình thức giãn thời gian nộp thuế, bảo hiểm xã hội, giảm tiền thuê đất, hỗ trợ an

sinh xã hội... Vì vậy, nỗ lực cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh của các bộ, ngành có xu hướng chững lại, triển khai chậm hơn.

Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhấn mạnh, trong 6 tháng đầu năm 2021, hoạt động cải cách quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của đa số Bộ, ngành chậm lại, chưa có nhiều thay đổi, chuyển biến so với trước; cơ chế một cửa quốc gia vận hành chưa thực sự hiệu quả.

### **Hỗ trợ doanh nghiệp, người dân một cách thiết thực**

Theo CIEM, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, kinh tế còn rất nhiều khó khăn. Cần đẩy mạnh hơn nữa tốc độ cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh đã đặt ra nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh để thích ứng với bối cảnh dịch COVID-19.

Kiến nghị về những giải pháp tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn về môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam thời gian tới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đề xuất một số giải pháp. Cụ thể, tập trung thực hiện nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc trình Chính phủ phương án sửa đổi các quy định gây ra vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp do sự thiếu kết nối, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan.

Thực hiện mạnh mẽ chuyên đổi số trong quản lý nhà nước, hướng tới xây dựng Chính phủ số, triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp chuyên đổi số. Cùng với đó, tiếp tục cải cách công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành và kết nối Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN; tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch COVID-19...

Ngoài việc yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP cũng như tiếp tục thực hiện đầy đủ, nhất quán các giải pháp đề ra thì phải giải quyết ngay những vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp.

Liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, và cải cách hành chính, tại hội nghị trực tuyến mới đây, Phó Thủ tướng Chính phủ Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình - Trưởng ban Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ nhấn mạnh: "Hơn lúc nào hết, công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, chuyên đổi số quốc gia... cần thực hiện nhanh chóng, bảo đảm phục vụ tốt hơn yêu cầu của người dân, xã hội và sự phát triển của đất nước".

Đồng thời, yêu cầu các Bộ, ngành địa phương tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công, đơn giản hoá các quy định, tinh gọn bộ máy nhà nước. Phó Thủ tướng Chính phủ Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình nhấn mạnh, đây chính là thời điểm cần hơn sự vào cuộc của các bộ, ngành trong việc tạo thuận lợi hơn nữa cho người dân, doanh nghiệp để họ an tâm đầu tư, sản xuất, kinh doanh và thực hiện chống dịch, nhằm đảm bảo “mục tiêu kép” như Chính phủ đề ra.

*Nguồn: kinhtedothi.vn*



## MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

### \* Bộ Nội vụ: Dự thảo Thông tư quy định quản lý hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức

Bộ Nội vụ đang đăng tải và lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định quản lý hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ.

Theo đó, trong lĩnh vực quản lý hồ sơ công chức, viên chức, Bộ Nội vụ đã ban hành một số Thông tư gồm: Thông tư số 11/2012/TT-BNV1, Thông tư số 06/2019/TTBNV và Thông tư số 07/2019/TT-BNV. Tuy, những Thông tư này đã đáp ứng được nhu cầu quản lý và sử dụng hồ sơ công chức, viên chức từ trước đến nay; triển khai cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước; thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Nội vụ tiến hành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức đồng nghĩa với việc hệ thống văn bản pháp luật cũng cần được cập nhật theo để kịp thời đáp ứng được nhu cầu thực tiễn trong tương lai. Để đảm bảo việc quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử của công chức, viên chức trong tương lai được đồng bộ, hiệu quả và đúng quy định pháp luật thì việc ban hành Thông tư mới là rất cần thiết.

Do vậy, thông tư mới này sẽ giải quyết việc lĩnh vực quản lý hồ sơ điện tử của công chức, viên chức hiện chưa có Thông tư nào quy định, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

#### **Nguyên tắc quản lý hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức**

1. Bảo đảm sự thống nhất trong công tác quản lý hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

2. Công tác xây dựng và quản lý hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức là trách nhiệm của cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức và được thực hiện thống nhất, khoa học, phản ánh đầy đủ, chính xác thông tin của từng cán bộ, công chức, viên chức kể từ khi được tuyển dụng cho đến khi không còn làm việc tại các cơ quan nhà nước.

3. Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức được xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác và bảo quản vĩnh viễn theo chế độ tài liệu mật do Nhà nước quy định. Người được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức đồng ý bằng văn bản mới được nghiên cứu, sử dụng và khai thác hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được xây dựng, lưu trữ và bảo quản theo hướng dẫn tại Thông tư này. Thông tin trong hồ sơ điện tử phải thống nhất với hồ sơ giấy và có giá trị tương đương hồ sơ giấy.

#### **Lập mới hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức**

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ giấy của cán bộ, công chức, viên chức được xác nhận theo quy định, đơn vị quản lý hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức có

trách nhiệm tạo lập, cập nhật thông tin trong hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức vào Phần mềm quản lý hồ sơ. Việc tạo lập, cập nhật hồ sơ điện tử bao gồm điền đầy đủ thông tin vào các trường dữ liệu của Phần mềm quản lý hồ sơ và số hóa thành phần hồ sơ đảm bảo thống nhất định dạng kỹ thuật trên cơ sở bố cục của tài liệu gốc; sắp xếp theo trình tự khoa học; phản ánh đầy đủ, chính xác thông tin của hồ sơ giấy; bảo mật; có khả năng truy cập, khai thác cùng các trường thông tin khác của hồ sơ điện tử.

Cập nhật hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức: a) Đối với thông tin thay đổi trên cơ sở giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hoặc nước ngoài ban hành như các quyết định về: Đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, nâng lương, nhận xét đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, kết luận về những vấn đề liên quan đến cá nhân và gia đình cán bộ, công chức, viên chức thì cơ quan quản lý hồ sơ điện tử có trách nhiệm cập nhật thông tin vào hồ sơ điện tử của người đó trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận tài liệu. b) Đối với thông tin thay đổi từ phía cá nhân cán bộ, công chức, viên chức bao gồm lý lịch, quan hệ xã hội, quan hệ gia đình, tài sản, thu nhập thì cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan quản lý hồ sơ điện tử để cập nhật và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, nhất quán của thông tin do mình cung cấp. Việc cập nhật được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý hồ sơ điện tử nhận được thông tin do cán bộ, công chức, viên chức cung cấp.

#### **Sửa chữa hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức**

Trường hợp phát hiện thông tin trong hồ sơ điện tử không thống nhất với hồ sơ giấy thì cơ quan quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức phải đăng cảnh báo lên Phần mềm quản lý hồ sơ, đồng thời rà soát, kiểm tra và không phê duyệt bất cứ sự cập nhật, bổ sung hoặc sửa chữa nào theo hồ sơ giấy. Cơ quan quản lý hồ sơ có trách nhiệm cập nhật Phần mềm quản lý hồ sơ với thông tin chính xác nhất trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi thông tin ấy được xác minh và phê duyệt.

Thống nhất sử dụng mẫu sơ yếu lý lịch kèm theo Thông tư này để thay thế mẫu sơ yếu lý lịch 2c-BNV/2008 và 2c/TCTW-98 trong việc quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

Ngoài ra, dự thảo Thông tư cũng quy định cụ thể về: Phê duyệt hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức; Khai thác hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức; Lưu trữ; Chuyển, tiếp nhận hồ sơ điện tử; Trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương; Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, ngành, địa phương; Trách nhiệm của công chức, viên chức trực tiếp làm công tác quản lý tài khoản người dùng, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; Trách nhiệm và quyền của công chức, viên chức đối với hồ sơ cá nhân và điều khoản chuyển tiếp.

**\* Bộ Thông tin và Truyền thông: Phấn đấu đến năm 2025 đào tạo 1.000 chuyên gia chuyển đổi số**

Đây là đề xuất của Bộ Thông tin và Truyền thông tại dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Dự thảo xác định ba trụ cột chính của Chuyển đổi số Quốc gia là: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, để từ đó xây dựng chiến lược nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực Chuyển đổi số Quốc gia, phù hợp với từng mục tiêu, từng lĩnh vực, từng đối tượng, đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Xác định các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số trước như: Y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp... từ đó xây dựng chiến lược nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực Chuyển đổi số Quốc gia phù hợp với các lĩnh vực ưu tiên này.

Theo dự thảo mục tiêu đến 2025 phấn đấu 100% cán bộ lãnh đạo, 60% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước hằng năm được tham gia tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; 100% cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo về công nghệ số và được đánh giá trực tuyến kết quả đào tạo qua hệ thống đánh giá, sát hạch chuẩn kỹ năng số Quốc gia.

Phấn đấu đào tạo 1.000 chuyên gia chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn để làm lực lượng nòng cốt chuyển đổi số trên toàn quốc. 100% các trường “đại học số” hoàn thiện được mô hình tổ chức số, quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở và được đầu tư trang bị đồng bộ hạ tầng số, nền tảng công nghệ số, trang thiết bị học và thực hành sẵn sàng tuyển sinh và đào tạo nguồn nhân lực chuyển đổi số.

### **Tổ chức và đào tạo lực lượng 1.000 chuyên gia phục vụ Chuyển đổi số Quốc gia**

Dự thảo nêu rõ, tổ chức lựa chọn 1.000 chuyên gia từ các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức làm công nghệ thông tin, kỹ thuật, nhân sự chuyên trách làm công tác chuyển đổi số quản lý, vận hành các hệ thống thông tin của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp theo các ngành nghề.

Triển khai các khóa đào tạo cơ bản, nâng cao, cập nhật mới về chuyển đổi số, công nghệ số và các nội dung đào tạo cần thiết khác cho đội ngũ chuyên gia chuyển đổi số phù hợp theo chuyên môn, ngành nghề, lĩnh vực, trình độ.

Ưu tiên chi tiêu trong các chương trình, kế hoạch đào tạo cán bộ ở nước ngoài của các Bộ, ngành, địa phương bằng ngân sách Nhà nước để cử các cán bộ trong diện này đi đào tạo ngắn hạn về công nghệ số ở nước ngoài.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh đào tạo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên về các chuyên ngành công nghệ số, kinh tế số và xã hội số như công nghệ trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, tài chính số, kinh doanh số, truyền thông số... Tổ chức đào tạo bổ sung, cập nhật các kiến thức, kỹ năng số cho giảng viên đại học, nhất là giảng viên các chuyên ngành kỹ thuật, kinh tế và xã hội.

### **Giải pháp về cơ chế tài chính**

Theo dự thảo, ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai các chương trình, dự án đào tạo ngắn hạn về chuyển đổi số, công nghệ số, kỹ năng số trong và ngoài nước; xây dựng kế hoạch đào tạo lại, đào tạo thực hành trong nước và nước ngoài cho cán bộ chuyên trách tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách Nhà nước để triển khai Đề án, huy động các nguồn lực tài chính từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, các nguồn lực xã hội và các nguồn kinh phí khác phục vụ công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số.

Ngân sách Trung ương bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi Đề án được giao cho các bộ, các cơ quan Trung ương chủ trì và các hoạt động chỉ đạo, điều hành triển khai Đề án.

Địa phương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi Đề án được giao cho các địa phương chủ trì.

**\* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Bình quân mỗi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có không quá 3 Phó Giám đốc**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành và định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội.

Theo dự thảo, vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội gồm 4 nhóm, cụ thể: 1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; 2. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; 3. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (tài chính, kế hoạch, đầu tư, thanh tra, pháp chế, hợp tác quốc tế, tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, văn phòng và một số vị trí việc làm đặc thù khác); 4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

**Vụ thuộc Bộ có không quá 3 phó vụ trưởng**

Định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được dự thảo đề xuất như sau:

Đối với vụ thuộc Bộ, vụ thuộc Bộ không có cấp phòng trực thuộc: 1 biên chế công chức vụ trưởng; không quá 3 biên chế công chức phó vụ trưởng; công chức tham mưu, giúp việc (tương ứng với vị trí việc làm: Nghiệp vụ chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, chuyên môn dùng chung, hỗ trợ, phục vụ): Định biên bảo đảm tổng số biên chế công chức của vụ đạt tối thiểu 15 biên chế công chức (tính bao gồm cả số lượng Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng).

Vụ thuộc Bộ có cấp phòng trực thuộc: 1 biên chế công chức vụ trưởng; có không quá 3 biên chế công chức Phó Vụ trưởng.

Phòng thuộc vụ: 1 biên chế công chức trưởng phòng thuộc vụ; phòng thuộc vụ có từ 7 - 9 biên chế công chức được bố trí 1 biên chế công chức cấp phó; có từ 10 - 15 biên chế công chức được bố trí không quá 2 biên chế công chức cấp phó; có từ 16 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 3 biên chế công chức cấp phó;

Công chức tham mưu, giúp việc (tương ứng với vị trí việc làm: Nghiệp vụ chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, chuyên môn dùng chung, hỗ trợ, phục vụ) được định biên bảo đảm các tiêu chí sau: Tổng số biên chế công chức của vụ bảo đảm đạt tối thiểu 30 biên chế công chức (tính bao gồm cả số lượng Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng, Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng); tổng số biên chế công chức của phòng thuộc vụ bảo đảm đạt tối thiểu 7 biên chế công chức (tính bao gồm cả số lượng Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng).

### **Mỗi sở có 1 giám đốc, không quá 3 Phó Giám đốc**

Định mức biên chế công chức đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội (cấp sở) được đề xuất như sau: 1 biên chế công chức giám đốc sở; bình quân mỗi sở có không quá 3 biên chế công chức Phó Giám đốc.

### **Phòng thuộc sở: 1 biên chế công chức Trưởng phòng**

Về biên chế công chức phó trưởng phòng, dự thảo nêu rõ: Phòng thuộc sở của TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có dưới 10 biên chế công chức, phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại I có dưới 9 biên chế công chức và phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại II và loại III có dưới 8 biên chế công chức được bố trí 1 biên chế công chức Phó Trưởng phòng; phòng thuộc sở của TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có từ 10 - 14 biên chế công chức, phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại I có từ 9 - 14 biên chế công chức và phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại II và loại III có từ 8 - 14 biên chế công chức được bố trí không quá 2 biên chế công chức Phó Trưởng phòng; phòng thuộc sở có từ 15 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 3 biên chế công chức Phó Trưởng phòng.

Theo dự thảo, công chức tham mưu, giúp việc (trương ứng với vị trí việc làm: Nghiệp vụ chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, chuyên môn dùng chung, hỗ trợ, phục vụ) được định biên bảo đảm các tiêu chí sau: Số lượng biên chế công chức của phòng thuộc sở (tính bao gồm cả số lượng trưởng phòng và phó trưởng phòng): Phòng thuộc sở của TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh: Bố trí tối thiểu 7 biên chế công chức; phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại I: Bố trí tối thiểu 6 biên chế công chức; phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại II và loại III: Bố trí tối thiểu 5 biên chế công chức.

### **\* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Quản lý hiệu quả cơ sở dữ liệu người lao động đi làm việc ở nước ngoài**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang dự thảo Thông tư quy định việc quản lý, vận hành, cập nhật và chia sẻ cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Hệ thống cơ sở dữ liệu) là hệ thống tập hợp dữ liệu, cấu trúc các thông tin liên quan về người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Hệ thống này cho phép truy cập, cập nhật thông tin, truy xuất, sử dụng dữ liệu để quản lý, phân tích, đánh giá và định hướng về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; được truy cập tại địa chỉ [dichvucong.molisa.gov.vn](http://dichvucong.molisa.gov.vn).

Các cơ quan Nhà nước được cấp tài khoản truy cập Hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm: Cục Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đăng ký tài khoản trên Hệ thống cơ sở dữ liệu tại địa chỉ [dichvucong.molisa.gov.vn](http://dichvucong.molisa.gov.vn). Công dân Việt Nam giao kết hợp đồng lao động sau khi xuất cảnh

đăng ký tài khoản trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại địa chỉ molisa.gov.vn.

### **Cấp giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài**

Theo dự thảo, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Điều 12 Luật số 69/2020/QH14 thực hiện như sau: 1. Đăng nhập tài khoản và truy cập vào mục “Cấp giấy phép” để cập nhật thông tin theo mẫu văn bản đề nghị cấp giấy phép. 2. Ký số vào mẫu đề nghị cấp giấy phép và đăng tải các tài liệu kèm theo. 3. Tình trạng xử lý hồ sơ đề nghị cấp giấy phép được hiển thị trên Hệ thống cơ sở dữ liệu. Trường hợp hồ sơ đáp ứng, hệ thống sẽ hiển thị trạng thái chấp thuận chờ phê duyệt giấy phép. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng, hệ thống sẽ hiển thị thông tin chưa đáp ứng, doanh nghiệp có thể điều chỉnh, cập nhật hồ sơ 2 lần. Trường hợp doanh nghiệp không điều chỉnh, cập nhật, hệ thống sẽ tự động xóa hồ sơ. 4. Bản chính giấy phép được trả trực tiếp tại bộ phận một cửa của Cục Quản lý lao động ngoài nước, hoặc qua dịch vụ bưu chính.

### **Cập nhật thông tin trong thời hạn 5 ngày**

Dự thảo nêu rõ, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày người lao động xuất cảnh và hằng tháng, phải cập nhật thông tin về người lao động do doanh nghiệp đưa đi trên Hệ thống cơ sở dữ liệu cho đến khi thanh lý hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày giao nhiệm vụ cho chi nhánh, chấm dứt giao nhiệm vụ cho chi nhánh, hoặc chi nhánh chấm dứt hoạt động thì phải cập nhật thông tin về chi nhánh trên Hệ thống cơ sở dữ liệu.

Đơn vị sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày người lao động xuất cảnh và hằng tháng, phải cập nhật thông tin về người lao động do đơn vị sự nghiệp đưa đi trên Hệ thống cơ sở dữ liệu.

Doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài; doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày người lao động xuất cảnh, phải cập nhật thông tin về người lao động trên Hệ thống cơ sở dữ liệu...

### **\* Bộ Tài chính: Đề xuất về vị trí việc làm và định mức biên chế công chức ngành Tài chính**

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của nhân dân đối với dự thảo Thông tư về vị trí việc làm và định mức biên chế công chức nghiệp vụ chuyên ngành Tài chính.

Theo dự thảo, căn cứ xác định vị trí việc làm dựa vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của tổ chức, đơn vị; mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Việc xác định định mức biên chế công chức căn cứ vào vị trí việc làm, mức độ phức tạp và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm; mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; tổng biên chế được giao và thực tế sử dụng biên chế công chức được giao...

Nguyên tắc xác định vị trí việc làm và quản lý biên chế công chức phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị; gắn tình hình biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trong các cơ quan, tổ chức.

Về nhóm vị trí việc làm chuyên ngành Tài chính, dự thảo quy định gồm: 1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý đặc thù ngành Tài chính; 2. Vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ ngành Tài chính; 3. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ đặc thù ngành Tài chính.

### **Trình tự phê duyệt biên chế công chức hằng năm**

Trên cơ sở căn cứ xác định định mức biên chế công chức, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền về định mức biên chế, Bộ Tài chính (Vụ Tổ chức cán bộ) có văn bản hướng dẫn các Tổng cục trực thuộc Bộ Tài chính, các Vụ thuộc Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch biên chế công chức hằng năm gửi Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp trình Bộ Tài chính phê duyệt gửi Bộ Nội vụ.

Thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức hằng năm như sau: Chậm nhất là ngày 15/4 hằng năm, các Cục địa phương gửi hồ sơ kế hoạch biên chế công chức quy định về Tổng cục để thẩm định, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt gửi Bộ Tài chính.

Chậm nhất là ngày 15/5 hằng năm, các Tổng cục thuộc Bộ Tài chính gửi hồ sơ kế hoạch biên chế công chức quy định về Bộ Tài chính (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để thẩm định, báo cáo Bộ phê duyệt.

Chậm nhất là ngày 15/7 hằng năm, Vụ Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch biên chế công chức của Bộ Tài chính gửi Bộ Nội vụ.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## HÀ NỘI: PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN TỐT HƠN KHI THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ

Từ ngày 01/7, TP. Hà Nội chính thức triển khai thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại 177 phường thuộc 12 quận và thị xã Sơn Tây. Với nhiều điểm mới giúp tinh gọn bộ máy, thông suốt trong chỉ đạo điều hành, tăng cường cải cách hành chính, mô hình này góp phần xây dựng chính quyền đô thị hiệu quả, năng động, phục vụ người dân và doanh nghiệp nhanh hơn, tốt hơn.

### **Bảo đảm liên thông trong hoạt động**

Để có thể bắt nhịp ngay khi thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị, công tác chuẩn bị đã được TP. Hà Nội và các địa phương triển khai từ sớm. Tập trung vào việc rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; hướng dẫn cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; một số cơ chế đặc thù ủy quyền cho công chức tư pháp thực hiện nhiệm vụ chứng thực và cơ chế phối hợp trong bảo đảm an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và quân sự quốc phòng tại địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đức Thắng (quận Bắc Từ Liêm) Cán Văn Duẩn chia sẻ: Bám sát các hướng dẫn của quận và thành phố, phường đã chuẩn bị những điều kiện tốt nhất để tiếp quản và chuyển đổi sang thí điểm mô hình chính quyền đô thị. Phường đã tuyên truyền rộng rãi đến toàn thể cán bộ công chức, nhân dân về trách nhiệm của những người thực thi công vụ trong việc chuyển đổi mô hình. Với địa bàn hơn 20 nghìn dân, các cán bộ, công chức của phường đều cố gắng, quyết tâm vận hành chính quyền mới bảo đảm thông suốt, không làm gián đoạn trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp.

Ủy viên Ban Thường vụ Quận ủy, Trưởng phòng Phòng Nội vụ quận Bắc Từ Liêm Nguyễn Văn Hải cho biết: Toàn quận hiện có 151 công chức phường đã được bổ nhiệm là công chức thuộc quận quản lý theo đúng quy định. Lãnh đạo, công chức các phường đã nắm bắt, nghiên cứu kỹ nội dung mô hình chính quyền đô thị, cho nên đã chủ động với công việc, sẵn sàng vận hành mô hình chính quyền đô thị, bảo đảm những công việc thuộc thẩm quyền của phường không bị gián đoạn, hoàn thành các nhiệm vụ chung của phường và quận năm 2021.

Một trong những yêu cầu của TP. Hà Nội đặt ra khi thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị là bảo đảm mọi công việc không bị “đứt gãy”, không gây xáo trộn và ảnh hưởng đến giao dịch hành chính của người dân và doanh nghiệp, đã được các địa phương nghiêm túc thực hiện. Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ba Đình Tạ Nam Chiến, thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị, qua rà soát và thẩm định, đã có 181 công chức phường đủ điều kiện để chuyển sang công chức quận quản lý. Trong đó có 14 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, 27 Phó Chủ tịch và 140 công chức đã hoàn thành công tác thẩm định. Các nội dung khác đã được thực hiện theo hướng dẫn từ công tác tài chính, nội vụ. Các phường thực hiện



theo quy chế mẫu của thành phố ban hành và căn cứ tình hình thực tế địa phương đã điều chỉnh, sửa đổi và đã qua các cấp thẩm định để triển khai ngay từ ngày 01/7, không để gián đoạn công việc. Đồng thời, chú trọng công tác giải quyết thủ tục hành chính để bảo đảm kết thúc chính quyền địa phương vào ngày 30/6.

### **Tạo thuận lợi tối đa cho người dân**

Thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị, TP. Hà Nội không tổ chức Hội đồng nhân dân ở cấp phường tại 12 quận và thị xã Sơn Tây. Theo đó, Ủy ban nhân dân phường được xác định là cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn, hoạt động theo nguyên tắc chế độ thủ trưởng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu, có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành công việc của Ủy ban nhân dân phường, theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường, bảo đảm nguyên tắc tập trung, dân chủ và tuân thủ quy định của pháp luật. Đáng chú ý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường được ủy quyền cho công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện ký chứng thực và đóng dấu đối với chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận, chứng thực chữ ký trong các giấy tờ.

Giám đốc Sở Nội vụ Vũ Thu Hà đánh giá: Việc ủy quyền cho công chức tư pháp để giải quyết một số các thủ tục hành chính của lĩnh vực tư pháp có thể coi là một bước đột phá trong công tác cải cách thủ tục hành chính của TP. Hà Nội. Thay vì lãnh đạo Ủy ban nhân dân các phường là người ký xác nhận các thủ tục hành chính thì nay các công chức tư pháp có đủ các điều kiện về năng lực, trình độ, kinh nghiệm công tác được ủy quyền để giải quyết, như vậy đã giảm được một bước trong giải quyết thủ tục hành chính. Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân sẽ nhanh hơn, kịp thời hơn so với việc giải quyết các thủ tục hành chính theo cách làm cũ. Với mô hình tinh gọn hơn trong giải quyết thủ tục hành chính, thông suốt hơn trong chỉ đạo điều hành, đặc biệt là điều hành theo chế độ thủ trưởng, các vấn đề sẽ được giải quyết kịp thời, các thủ tục hành chính sẽ được giải quyết cho người dân nhanh chóng hơn.

*Nguồn: nhandan..vn*

## **QUẢNG NINH: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GÓP PHẦN THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

Xác định cải cách hành chính là một trong những công cụ quan trọng tác động tích cực tới sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh, thời gian qua, tỉnh Quảng Ninh đã tập trung quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử. Đây cũng là "chìa khóa vàng" để tỉnh tiếp tục trở thành là địa phương có mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính cao nhất cả nước năm 2020 với Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt 95,76%.

Trong bối cảnh các địa phương đều có sự chuyển biến mạnh mẽ trên đường đua cải cách, việc hiện đại hóa nền hành chính được xem là một trong những nội dung trọng tâm, đảm bảo sự thành công của chương trình cải cách hành chính. Vì vậy, tỉnh đã tích cực chỉ đạo tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, địa phương với công tác cải cách hành chính; công bố toàn bộ thủ tục hành chính; công khai minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý, quy trình tác nghiệp, người chịu trách nhiệm và thời hạn giải quyết công việc của cơ quan nhà nước, các đơn vị cung cấp dịch vụ công; giám sát chặt chẽ việc thực hiện thủ tục hành chính của các đơn vị...

Theo thống kê, đến nay tổng số thủ tục hành chính giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh là 1.415; trong đó 1.365 thủ tục hành chính của các sở, ngành thuộc tỉnh, 32 thủ tục hành chính của Công an tỉnh, 18 thủ tục hành chính của Công ty Điện lực Quảng Ninh. Số thủ tục hành chính được thực hiện theo nguyên tắc 5 tại chỗ “tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu, trả kết quả” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh là 1.035 (đạt 75,5%). Tại cấp huyện, cấp xã, các địa phương cũng đã đưa 100% thủ tục hành chính vào giải quyết tại Trung tâm hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

Đáng chú ý là hệ thống một cửa điện tử tỉnh Quảng Ninh đến nay đã kết nối xong với 7 hệ thống các Bộ, ngành Trung ương, bao gồm: Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, hệ thống thông tin quản lý hộ tịch điện tử (Bộ Tư pháp); cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm, cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); hệ thống thông tin về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam); hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm phục vụ liên thông khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi (Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Tư pháp); hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an)... Điều này đã phục vụ đắc lực cho việc cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa các cấp, nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ với tỷ lệ giải quyết đúng hạn luôn đạt trên 90%.

Đặc biệt, các sở, ngành được giao làm đầu mối đã không ngừng nỗ lực, đưa ra các giải pháp tích cực trong công tác cải cách hành chính. Điển hình như Cục Thuế tỉnh đã triển khai nâng cấp các ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng cho việc sửa đổi, bổ sung chính sách thuế như: Ứng dụng thuế điện tử, hỗ trợ kê khai; triển khai thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai trên Cổng dịch vụ công quốc gia; mở rộng triển khai dịch vụ khai thuế điện tử đối với người nộp thuế cá nhân...

Bảo hiểm Xã hội tỉnh Quảng Ninh cũng đã thực hiện nâng cấp phần mềm kê khai nộp thuế bảo hiểm xã hội lên phiên bản Website để hỗ trợ miễn phí đối với các doanh nghiệp khi đăng ký thực hiện giao dịch với cơ quan bảo hiểm xã hội; triển khai thành công ứng dụng VssID (bảo hiểm xã hội số) trên nền tảng thiết bị di động. Qua đó, cung cấp chức năng, tiện ích giúp người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế dễ dàng tìm kiếm, tra cứu các thông tin đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; lịch sử thụ hưởng các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; các điểm thu, đại lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Đặc biệt, từ ngày 01/6, người có thẻ bảo hiểm y tế đến chữa bệnh

tại các cơ sở khám chữa bệnh được sử dụng hình ảnh thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng VssID để thay thế cho việc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế giấy.

Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh cũng đã tập trung thực hiện đơn giản hóa thủ tục hải quan, mở rộng thanh toán phí, lệ phí bằng phương thức điện tử; triển khai hệ thống miễn giảm, hoàn, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa qua hệ thống điện tử. Từ đó, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, giảm thời gian, chi phí và tiếp xúc giữa hải quan và doanh nghiệp. Hiện thời gian thông quan đối với hàng xuất khẩu chỉ còn 1 giờ 33 phút, hàng nhập khẩu là 4 giờ 45 phút.

Việc gắn kết chặt chẽ giữa cải cách hành chính với xây dựng chính quyền điện tử đã giúp cho thời gian giải quyết thủ tục hành chính được rút ngắn, tạo thuận lợi, thông thoáng cho doanh nghiệp, người dân. Nhờ đó, mức độ hài lòng của người dân, tổ chức tiếp tục có sự cải thiện đáng kể, đạt 99,7% ở cấp tỉnh và 99,9% ở cấp huyện. Đây tiếp tục là động lực để tỉnh Quảng Ninh xây dựng chính quyền liêm chính, thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

*Nguồn: baoquangninh.com.vn*

## NINH BÌNH: ĐỐI THOẠI GỖ KHÓ CHO DOANH NGHIỆP

Ngày 28/6, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức hội nghị "Đối thoại với doanh nghiệp" nhằm tăng cường trao đổi, tháo gỡ khó khăn, phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của cộng đồng doanh nghiệp và doanh nhân cho sự phát triển của tỉnh.

Phát biểu khai mạc hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Phạm Quang Ngọc nhấn mạnh, thời gian qua, tỉnh Ninh Bình đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng. Từ đó, cộng đồng doanh nghiệp đã cùng các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân nỗ lực, phấn đấu đưa tỉnh Ninh Bình có bước phát triển khá nhanh và vững chắc sau 30 năm tái lập tỉnh, nhất là 5 năm giai đoạn 2015 - 2020 vừa qua đã đạt được nhiều kết quả nổi bật.

Theo đó, tổng thu ngân sách giai đoạn 2015 - 2020 đạt 68.382 tỷ đồng, riêng năm 2020 đạt 22.586 tỷ đồng, gấp 5,2 lần so với năm 2015, đứng thứ 13/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Sáu tháng đầu năm 2021, mặc dù vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của dịch COVID-19, kinh tế của tỉnh Ninh Bình tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng tăng 7,18%, cao hơn bình quân chung của cả nước (bình quân chung cả nước đạt 5,8%) và đứng thứ 19 của cả nước, thứ 6 đồng bằng Sông Hồng.

Với gần 9.000 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh hiện nay, giai đoạn 2015 - 2020 doanh thu của các doanh nghiệp ước đạt trên 940 nghìn tỷ đồng, tăng 1,96 lần so với giai đoạn 2010 - 2015 (là 483 ngàn tỷ đồng), tạo việc làm cho hàng trăm nghìn lao động, thu nhập bình quân đạt khoảng 5,5 triệu đồng/người/tháng, tăng 1,5 lần so với giai đoạn 2010-2015 (là 3,6 triệu đồng/người/tháng). Trong tổng số thu ngân sách của tỉnh năm 2020 là

22.586 tỷ đồng, các doanh nghiệp đã nộp trên 15.810 tỷ đồng, chiếm khoảng 70% tổng thu ngân sách của tỉnh Quảng Ninh.

Với mục tiêu lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng, "hiển kế" của các doanh nhân, từ đó có những giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhất là trong giai đoạn chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19 hiện nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị, các đại biểu doanh nghiệp thẳng thắn nêu lên các khó khăn, vướng mắc, những tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất và ý kiến đánh giá đối với hoạt động của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong bộ máy chính quyền của tỉnh.

Đồng thời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình yêu cầu các cấp, ngành sau khi nhận được các kiến nghị, đề xuất của các doanh nghiệp phải trả lời thẳng vào vấn đề, ngắn gọn, dễ hiểu, có trọng tâm, trọng điểm. Riêng đối với những vấn đề thực sự phức tạp, cần thời gian để rà soát, nghiên cứu, yêu cầu các đơn vị giải thích rõ và đề xuất phương án giải quyết cụ thể.

Hội nghị đối thoại đã ghi nhận 33 ý kiến trao đổi, đề xuất, kiến nghị trực tiếp của các doanh nghiệp, chủ yếu tập trung vào các nội dung như cơ chế chính sách về tín dụng, thuế, bảo hiểm xã hội; mặt bằng sản xuất kinh doanh; thủ tục hành chính; xây dựng chính quyền điện tử; quản lý về đất đai, đô thị...

Đại diện Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Việt Thắng đề nghị tỉnh có chính sách quan tâm đối với đội ngũ giáo viên các trường mầm non, tư thục do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 các trường này gặp nhiều khó khăn đặc biệt là thiếu nguồn kinh phí để duy trì chi trả lương cho đội ngũ giáo viên.

Đại diện Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao đề nghị các cơ quan nhà nước giúp đỡ, hướng dẫn các doanh nghiệp chuyển đổi số và tái cấu trúc cho doanh nghiệp phù hợp với chủ trương của tỉnh.

Đại diện Công ty TNHH Đầu tư Tiến Dũng đề nghị ngành ngân hàng hỗ trợ lãi suất để giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp, giãn thời gian trả nợ đến hạn cho doanh nghiệp và tư vấn hỗ trợ không để doanh nghiệp rơi vào nhóm nợ xấu. Đồng thời, có chính sách và lãi suất ưu đãi với khoản vay của doanh nghiệp nhằm kích cầu kinh tế và thu hút đầu tư...

Các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp cơ bản được lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và lãnh đạo các sở, ban ngành, địa phương trực tiếp giải đáp, trả lời. Thông qua hội nghị cũng cho thấy những chủ trương, quan điểm, định hướng, chính sách của tỉnh Ninh Bình đã và đang phát huy được hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho doanh nghiệp phát triển.

Ghi nhận, đánh giá cao và biểu dương những nỗ lực, cố gắng vượt qua khó khăn của các doanh nghiệp thời gian qua, Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình Nguyễn Thị Thu Hà đề nghị, thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cần nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành cũng như tăng cường rà soát các khâu yếu kém, điểm "nghẽn" về quy hoạch, thủ tục hành chính, cán bộ... và đề xuất chính sách nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng cần quan tâm đầu tư có chiến lược, lâu dài, lành mạnh; nghiêm túc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tiếp tục "hiển kế" cho tỉnh nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh Ninh Bình.

Tại hội nghị, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cũng đề nghị Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hỗ trợ, tạo điều kiện cho cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Ninh Bình hợp tác đầu tư với những doanh nghiệp trong và ngoài nước để tiếp tục lớn mạnh trong thời gian tới.

*Nguồn: baotintuc.vn*

## QUẢNG BÌNH: QUYẾT TÂM CẢI THIỆN THỨ HẠNG CÁC CHỈ SỐ CẠNH TRANH

“Cần tranh thủ các chương trình, dự án, đẩy mạnh áp dụng công nghệ, quyết tâm cải thiện thứ hạng các chỉ số cạnh tranh trong thời gian tới” - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình Vũ Đại Thắng nhấn mạnh.

Đó là nội dung chỉ đạo của Bí thư tỉnh ủy Quảng Bình Vũ Đại Thắng tại Hội nghị nghe và cho ý kiến về các Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), tổ chức vào chiều ngày 28/6.

Về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, kết quả từ năm 2007 đến nay cho thấy, trước năm 2014, thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Quảng Bình diễn biến theo hướng tích cực, liên tục cải thiện và thăng hạng hàng năm; trong đó cao nhất là năm 2013 với thứ hạng 29/63. Từ năm 2014 đến nay, thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh giảm. Năm 2019 và năm 2020, tỉnh Quảng Bình duy trì thứ hạng 52/63.

Theo báo cáo, tỉnh Quảng Bình được đánh giá Chỉ số cải cách hành chính từ năm 2012 đến nay và liên tục biến động về thứ hạng. Năm 2020, đạt 82,33/100 điểm, xếp thứ 50/63 tỉnh, thành phố, giảm 14 bậc so với năm 2019. Trong đó, có các tiêu chí, tiêu chí thành phần do các sở, ngành chủ trì thực hiện không có điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa.

Về chỉ số SIPAS, được đánh giá từ năm 2017, trong đó năm 2018 Quảng Bình đạt thứ hạng cao nhất là 24/63 tỉnh, thành phố. Năm 2020, Quảng Bình xếp hạng 60/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, giảm 19 bậc so với năm 2019. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước có 5 lĩnh vực và 24 tiêu chí, trong đó năm 2020, cả 5 lĩnh vực đều giảm, giảm sâu nhất là lĩnh vực tiếp nhận, xử lý kiến nghị.

Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước, năm 2020, tỉnh Quảng Bình đạt 44,7/80 điểm, giảm 1,15 điểm so với năm 2019, xếp thứ 7/63 tỉnh, thành phố, tụt 1 bậc so với năm 2019. Trong đó, có 3 tiêu chí đạt cao gồm: tham gia của người dân ở cấp cơ sở; công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình với người dân và 2 tiêu chí đạt thấp là: thủ tục hành chính công; quản trị điện tử.

Bí thư Tỉnh ủy Vũ Đại Thắng cho biết: "Chúng ta phải thấy được tầm quan trọng của các chỉ số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả các chỉ số cũng đồng thời cung cấp thông tin cho lãnh đạo Đảng, Chính phủ trong việc đánh giá năng lực lãnh đạo, chỉ đạo,

điều hành của cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố trên toàn quốc. Trước sự biến động của các chỉ số trong những năm qua, đặc biệt sự sụt giảm thứ hạng của năm 2020, các sở, ban, ngành tập trung rà soát, phân tích rõ nguyên nhân, chỉ rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, đề xuất các giải pháp để nâng cao thứ hạng các chỉ số trong thời gian tới".

Trên cơ sở các chỉ số và sự liên quan trực tiếp đến các sở, ban, ngành, Bí thư Vũ Đại Thắng yêu cầu các sở, ban, ngành nâng cao tinh thần trách nhiệm, đặc biệt là vai trò của người đứng đầu, xây dựng cơ chế ràng buộc trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ nói chung, các nội dung liên quan đến các chỉ số nói riêng để có sự đánh giá năng lực và trách nhiệm thực thi nhiệm vụ của cán bộ.

"Việc thực hiện hiệu quả các chỉ số nhằm cụ thể hóa Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII về đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và các nội dung cam kết của lãnh đạo tỉnh tại hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2021. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và các sở, ngành cần tập trung cao độ, bám sát các chỉ số thành phần để xây dựng kế hoạch với lộ trình cụ thể hàng năm; huy động sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị; nâng cao tinh thần, thái độ của cán bộ, lấy nhân dân làm đối tượng phục vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao thứ hạng các chỉ số trong thời gian tới. Đối với các tiêu chí như thủ tục hành chính công, quản trị điện tử, chính quyền điện tử... cần tranh thủ các chương trình, dự án, đẩy mạnh áp dụng công nghệ, quyết tâm cải thiện thứ hạng các chỉ số trong thời gian tới" - Bí thư tỉnh ủy Quảng Bình nhấn mạnh.

*Nguồn: baodansinh.vn*

## THỪA THIÊN - HUẾ: XẾP THỨ 3 TOÀN QUỐC VỀ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2020

Tại Hội nghị trực tuyến công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 (PAR index 2020) của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2020 (SIPAS 2020) do Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức vào chiều ngày 24/6/2021, theo kết quả công bố, ở khối Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tỉnh Thừa Thiên - Huế đạt 88.47 điểm, xếp thứ 3/63 tỉnh, thành phố trong bảng xếp hạng, tăng 10 bậc so với năm 2019 và là tỉnh xếp thứ nhất Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung.

Theo đánh giá của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Chỉ số cải cách hành chính 2020 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có kết quả đạt giá trị trung bình là 83,72%, cao hơn 2,57% so với giá trị trung bình năm 2019 (đạt 81,15%) và đạt giá trị cao nhất trong 5 năm gần đây. So sánh kết quả của 63 địa phương cho thấy, có 38 đơn vị đạt Chỉ số cải cách hành chính cao hơn giá trị trung bình của cả nước. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 các Bộ, ngành cho thấy tiếp tục tập trung vào 2 nhóm điểm: Nhóm thứ nhất,

đạt kết quả Chỉ số cải cách hành chính trên 90%, tiếp tục là 03 đơn vị: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Nhóm thứ hai, đạt kết quả Chỉ số cải cách hành chính từ trên 80% đến dưới 90%, gồm 14 đơn vị còn lại. Không có đơn vị nào có Chỉ số cải cách hành chính dưới 80%. Năm 2020, Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương đã có nhiều nỗ lực, đổi mới và sáng tạo trong chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính nhằm kịp thời ứng phó với những khó khăn, thách thức và những ảnh hưởng nghiêm trọng do đại dịch COVID-19 gây ra, góp phần thực hiện thành công “mục tiêu kép” là vừa phòng, chống dịch và phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

Chính phủ đã ban hành và chỉ đạo thực hiện nhiều chính sách, giải pháp cấp bách để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; đổi mới phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước, tăng cường giải quyết hồ sơ, xử lý công việc trên môi trường điện tử; đẩy mạnh giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, nhất là những đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch bệnh COVID-19. Các địa phương đã triển khai nhiều biện pháp cụ thể, sáng tạo để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao, phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn tại địa phương, giúp kết quả cải cách hành chính trong năm 2020 có nhiều chuyển biến rõ nét.

Về Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020 (SIPAS), tỉnh Thừa Thiên - Huế xếp thứ 31/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tăng 26 bậc so với năm 2019).

Phát biểu tham luận tại Hội nghị công bố, đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế nhấn mạnh, năm 2020, tỉnh Thừa Thiên - Huế tiếp tục xác định công tác cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh là Chương trình trọng điểm trong phát triển kinh tế - xã hội. Công tác cải cách hành chính của tỉnh được tổ chức triển khai tích cực, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực và đạt nhiều kết quả quan trọng. Trong đó, việc cải cách thể chế đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước. Cùng với đó, tỉnh thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người làm việc tại bộ phận một cửa. Tỉnh Thừa Thiên - Huế cũng thường xuyên rà soát, điều chỉnh, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng ngày càng tinh gọn, phù hợp với tình hình thực tiễn, hoạt động ổn định, hiệu quả.

Điểm nổi bật của tỉnh Thừa Thiên - Huế là xây dựng chính quyền điện tử gắn với cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin, với mục tiêu lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ. Tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp xây dựng một chính quyền phục vụ, một đô thị thông minh, trở thành một trong những đơn vị dẫn đầu toàn quốc về phát triển chính phủ điện tử cấp tỉnh. Chỉ số sẵn sàng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT Index) của tỉnh năm 2019 và 2020 liên tục xếp vị trí thứ 2 trên toàn quốc.

Đến nay, 100% thủ tục hành chính của tỉnh Thừa Thiên - Huế đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 trở lên; trong đó, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt 79,4%, dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đạt 31,4%; 100% hồ sơ của người dân, doanh nghiệp được số

hóa, ký số và xử lý theo quy trình điện tử trên môi trường mạng, có thể tra cứu trạng thái giải quyết hồ sơ trực tuyến qua mạng Internet, SMS, qua ứng dụng Hue-S,... góp phần giảm giấy tờ, thời gian, chi phí, tạo sự đồng thuận cao trong giải quyết thủ tục hành chính.

*Trần Phương, Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên - Huế*

## BÀ RỊA - VŨNG TÀU: CÁN BỘ TẬN TÌNH, DÂN HÀI LÒNG

Từ chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhiều phong trào được triển khai nhằm tăng cường mức độ hài lòng của người dân, bước đầu mang lại nhiều phản hồi tích cực

Thời gian qua, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã nỗ lực áp dụng nhiều mô hình, phương án nhằm tăng cường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đổi mới với việc tiếp nhận và giải quyết một số thủ tục hành chính, qua đó phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước.

### **Khảo sát mức độ hài lòng**

Sau khi hoàn tất việc công chứng hồ sơ tại TP. Vũng Tàu, chị Nguyễn Thị Hồng (ngụ phường 4) được hướng dẫn đánh giá chất lượng phục vụ bằng hình thức quét mã QR trên ứng dụng Zalo.

Khá bất ngờ với việc đánh giá chất lượng phục vụ ngay tại công sở, chị Hồng cho biết: "Tôi hài lòng với cách phục vụ của cán bộ, nhân viên ở đây. Chỉ trong thời gian ngắn, toàn bộ giấy tờ được sao y, công chứng; cán bộ phường nhiệt tình, nhẹ nhàng".

Mô hình khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng dịch vụ hành chính bằng hình thức quét mã QR trên ứng dụng Zalo là sáng kiến của 3 công chức ở Ủy ban nhân dân phường 4, được Ủy ban nhân dân TP. Vũng Tàu công nhận. Đây là mô hình được đánh giá tiện lợi, cho kết quả nhanh, chính xác, thay vì trước đây phải gọi điện thoại hoặc phát phiếu khảo sát.

Các công chức này tạo mã QR, đồng thời đăng đầy đủ những nội dung mẫu thăm dò ý kiến của tổ chức, cá nhân do Ủy ban nhân dân TP. Vũng Tàu triển khai cùng các hình ảnh của bộ phận một cửa của phường lên ứng dụng Zalo. Khi quét mã QR trên ứng dụng, người dân dễ dàng truy cập và bày tỏ ý kiến bằng cách chọn các nội dung, tiêu chí khảo sát và kết thúc bằng thao tác gửi đi. Lập tức, phần mềm ứng dụng Zalo cập nhật kết quả vào hệ thống tổng hợp tự động. Việc tổng hợp, phân tích, phân loại ý kiến của cá nhân, tổ chức thực hiện qua quét mã QR được cập nhật hằng ngày.

Cũng thông qua ứng dụng này, lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường nắm bắt được ngay mức độ hài lòng cùng thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân. Từ đó, Ủy ban nhân dân phường kịp thời đưa ra các giải pháp khắc phục những điểm mà người dân chưa hài lòng.



Mới đây, Ủy ban nhân dân TP. Vũng Tàu cũng triển khai Hệ thống dịch vụ đô thị thông minh (VungtauIOC). Đây là ứng dụng giúp người dùng phản ánh các vấn đề bất cập trong cuộc sống, thông qua đó hỗ trợ các đơn vị chức năng trong công tác xử lý, hướng đến cải thiện môi trường sống và làm việc cho công dân, du khách hay các tổ chức. Ứng dụng cho phép người dùng phản ánh toàn diện các hoạt động trên địa bàn, bằng cách gửi nội dung về trung tâm điều hành đô thị thông minh kèm theo hình ảnh chụp hoặc quay video. Các thông tin cá nhân được cam kết bảo mật an toàn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Vũng Tàu Hoàng Vũ Thành cho biết, chỉ trong thời gian ngắn đưa vào hoạt động, VungtauIOC đã nhận được hàng trăm phản ánh của người dân từ hiện trường cũng như về cung cách phục vụ, thái độ làm việc của công nhân, viên chức. Từ đó, lãnh đạo các phường, lãnh đạo Thành ủy và Ủy ban nhân dân TP. Vũng Tàu đã có những chỉ đạo, kiểm tra xử lý sát sao, đồng thời trả lời kết quả xử lý cho người dân ngay trong ứng dụng.

### **Giải quyết hồ sơ nhanh gọn, đúng thời gian**

Có mặt tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả ở trụ sở Ủy ban nhân dân phường 5, TP. Vũng Tàu, chúng tôi chứng kiến những hình ảnh vui vẻ, niềm nở, cung cách phục vụ chu đáo của cán bộ, công chức.

Anh Nguyễn Hoàng Anh, một người dân đến giao dịch tại đây, chia sẻ: "Tôi đi công chứng giấy khai sinh cho con gái, đến đây được chỉ bảo ân cần. Không khí làm việc, trao đổi thoải mái, nhẹ nhàng. Chỉ chưa đầy 10 phút, hồ sơ đã xong, rất khác với cung cách làm việc trước đây có phần nặng nề, ít giao tiếp".

Đó là sự thay đổi tích cực tại Ủy ban nhân dân phường 5 kể từ khi triển khai mô hình "Nụ cười công sở". Đây là mô hình thiết thực trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Mô hình này được phường triển khai từ năm 2016, với các tiêu chí: Cán bộ, công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả làm việc đúng giờ; tạo môi trường làm việc thân thiện, lịch sự chào hỏi, niềm nở tiếp đón, giữ mối liên hệ với người dân khi đến làm thủ tục hành chính; giải quyết hồ sơ nhanh gọn, đúng thời gian quy định; hồ sơ trễ hẹn phải có giấy xin lỗi trực tiếp đến người dân...; hướng dẫn tận tình cho người dân cách điền thông tin vào các loại hồ sơ và luôn cố gắng giải quyết hồ sơ nhanh chóng.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường 5 cho biết để việc thực hiện mô hình đạt hiệu quả, Ủy ban nhân dân phường đã thành lập tổ kiểm tra nhằm đánh giá kết quả làm việc của công chức hằng tháng, hằng quý. Qua các năm triển khai, mô hình đã tạo chuyển biến tích cực trong thái độ, tác phong làm việc của cán bộ, công chức.

Trước khi triển khai mô hình "Nụ cười công sở", thứ hạng về chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân phường 5 rất thấp. Chẳng hạn năm 2015, chỉ số xếp hạng cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân phường 5 đứng thứ 52/82 xã, phường trong toàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi triển khai mô hình này, chỉ số xếp hạng thay đổi rõ rệt, từ năm 2018 đã vươn lên vị trí thứ 5/82 xã, phường.

Hưởng ứng các phong trào triển khai từ cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Long Điền cũng nỗ lực thực hiện đồng bộ công tác cải cách hành chính, được nhân dân và

doanh nghiệp đánh giá cao. Nhiều giải pháp, cách làm của xã Tam Phước được các xã, phường khác học tập kinh nghiệm để nhân rộng. Từ năm 2016 đến nay, xã Tam Phước có 10 sáng kiến, mô hình hay về cải cách hành chính được triển khai hiệu quả.

Bí thư Đảng bộ xã Tam Phước Phạm Đức Toàn cho biết, hiện 100% hồ sơ, thủ tục hành chính của người dân, tổ chức đều được giải quyết trước và đúng thời gian quy định, không có hồ sơ quá hạn. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn hằng năm đạt 60% - 65% trong tổng số hồ sơ tiếp nhận. Xã cũng thực hiện rà soát, ban hành danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết hằng năm bảo đảm trên 30%.

*Nguồn: nld.com.vn*

## AN GIANG: SỬ DỤNG HÌNH ẢNH THẺ BẢO HIỂM Y TẾ TRÊN ỨNG DỤNG VssID ĐỂ KHÁM, CHỮA BỆNH

Từ ngày 16/6/2021, người bệnh bảo hiểm y tế đến khám, chữa bệnh được sử dụng hình ảnh thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng VssID thay thế cho việc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế giấy. Điều này phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số. Người sử dụng thẻ không lo mất, quên thẻ bảo hiểm y tế như đã xảy ra đối với thẻ bảo hiểm y tế giấy; đồng thời giúp giảm thời gian làm thủ tục khám chữa bệnh của cả người tham gia và cơ sở khám chữa bệnh.

Từ cuối năm 2020, Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang triển khai sử dụng ứng dụng VssID - Bảo hiểm xã hội số và triển khai tuyên truyền, hướng dẫn cài đặt cho người dân, người lao động trên toàn tỉnh. Ứng dụng VssID giúp người tham gia có thể tra cứu, theo dõi các thông tin thiết yếu, như: mã số bảo hiểm xã hội, quá trình tham gia, lịch sử thụ hưởng các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... qua đó, người tham gia có thể tự giám sát, bảo vệ quyền lợi của mình.

Giám đốc Bảo hiểm xã hội An Giang Đặng Hồng Tuấn cho biết: “Thực hiện chủ trương xây dựng Chính phủ số của Thủ tướng Chính phủ, ngành Bảo hiểm Xã hội đã tích cực phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể; đơn vị sử dụng lao động; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đại lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đẩy mạnh tuyên truyền ứng dụng VssID - Bảo hiểm xã hội số đến người dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Sau thời gian tích cực tuyên truyền, đến nay số lượng người cài đặt VssID trên toàn tỉnh đạt trên 112.000 người. Phấn đấu đến cuối năm 2021, đạt trên 460.000 người cài đặt và sử dụng VssID”.

Ngày 11/6/2021, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Lê Văn Phước ký Công văn số 546/UBND-KGVX về việc sử dụng hình ảnh thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng VssID để khám chữa bệnh bảo hiểm y tế. Theo đó, đề khẩn trương áp dụng việc ứng dụng VssID để khám chữa bệnh bảo hiểm y tế phổ biến, toàn diện, góp phần thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang yêu cầu Sở Y tế chủ trì, phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở khám chữa bệnh từ ngày 16/6/2021, người bệnh bảo hiểm y tế đến khám chữa bệnh được sử dụng hình ảnh thẻ bảo hiểm y tế trên ứng

dụng VssID thay thế cho việc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế giấy; cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin về khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và chuyển dữ liệu cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định để việc giám định, thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế được chính xác, kịp thời; có các giải pháp hiệu quả chống lạm dụng trực lợi quỹ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Sở Thông tin và Truyền thông, Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang kịp thời thông tin rộng rãi đến người dân biết về nội dung: kể từ ngày 16/6/2021, người bệnh bảo hiểm y tế đến khám chữa bệnh được sử dụng hình ảnh thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng VssID thay thế cho việc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế giấy.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội từ tỉnh đến cấp huyện khẩn trương bố trí nhân lực, trang thiết bị cần thiết để phục vụ người dân đến đăng ký, cài đặt ứng dụng VssID. Theo dõi tiến độ, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và đề nghị toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cài đặt, đăng ký và sử dụng VssID cho bản thân và các thành viên trong gia đình. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng VssID. Giao các đại lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế xã, phường, thị trấn trực tiếp hướng dẫn người dân đã tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế hộ gia đình cài đặt và sử dụng ứng dụng VssID để đảm bảo quyền lợi.

Ngay từ ngày đầu triển khai, Bảo hiểm xã hội tỉnh đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp Sở Y tế chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh triển khai thực hiện để nhanh chóng đưa tiện ích này phổ biến rộng rãi trong nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia khi đi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, đảm bảo quyền lợi của người bệnh bảo hiểm y tế. Đồng thời, phối hợp Sở Y tế tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng hình ảnh thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng VssID để khám chữa bệnh, giúp người dùng tiết kiệm thời gian giao dịch với cơ quan bảo hiểm xã hội khi thẻ bị ầm ướt, rách, hỏng, không lo mất thẻ, không mất thời gian tìm kiếm khi cần thẻ để khám chữa bệnh. Tuyên truyền lợi ích về công khai minh bạch thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giúp người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế chủ động theo dõi, kiểm tra về quá trình tham gia, mức lương đóng và các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đã thụ hưởng; lợi ích về sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của ngành bảo hiểm xã hội, giúp người dùng thao tác trực tiếp trên ứng dụng mà không phải đến cơ quan bảo hiểm xã hội...

*Nguồn: baoangiang.com.vn*

## CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Ưu đãi người có công với cách mạng là một chính sách đặc biệt của Đảng, Nhà nước nhằm tôn vinh, tri ân, đãi ngộ đối với những cống hiến của người có công với cách mạng. Ngày 12/01/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 43/QĐ-TTg thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công, theo đó Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được giao chủ trì xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong các doanh nghiệp, đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội và Đề án cải cách chính sách ưu đãi người có công. Tuy nhiên tại Chỉ thị số 14/CT-TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư đã đề cập tương đối toàn diện những nội dung đổi mới chính sách ưu đãi người có công trong tình hình mới nên Ban chỉ đạo Trung ương đồng ý đề Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục thực hiện 2 đề án về cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội. Do đó, Bộ xin được đánh giá kết quả thực hiện chính sách ưu đãi người có công và những đổi mới trong quá trình tổ chức thực hiện trong giai đoạn tiếp theo như sau:

### **1. Đánh giá việc triển khai và thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng**

#### **1.1. Công tác xây dựng thể chế**

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Chính phủ đã ban hành 5 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 04 Quyết định và 06 Chỉ thị. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành theo thẩm quyền và phối hợp với các Bộ, ngành ban hành 10 Thông tư, Thông tư liên tịch hướng dẫn trình tự thủ tục xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Các Bộ, ngành như: Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, ... theo chức năng và thẩm quyền của mình, đã ban hành các Thông tư hướng dẫn về trình tự thủ tục, chế độ quản lý nhà nước về xác nhận và thực hiện ưu đãi liên quan đến người có công với cách mạng (có Phụ lục văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh kèm theo).

#### **1.2. Việc giải quyết hồ sơ tồn đọng**

Đến nay cả nước đã xác nhận được trên 9,2 triệu người có công với cách mạng; trong đó, số người có công đang hưởng chế độ ưu đãi hàng tháng gần 1,4 triệu người.

Trước thực trạng công tác xác nhận người có công với cách mạng do thiếu giấy tờ, thiếu hồ sơ nên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tham mưu trình cơ quan có thẩm quyền tổ chức triển khai quy trình xử lý tồn đọng xác nhận người có công với cách mạng. Được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về công tác xác nhận người có công với cách mạng, Bộ đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 và Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ, trong đó giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các địa phương tiếp tục thực hiện tốt chính sách đối với

người có công, giải quyết các hồ sơ xác nhận liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh còn tồn đọng tại các địa phương theo trình tự, thủ tục, hồ sơ cụ thể do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, bảo đảm công khai, minh bạch, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng chính sách để trục lợi.

Đây là công việc rất hệ trọng, có ý nghĩa sâu sắc và mang tính đột phá trong việc xem xét giải quyết hồ sơ tồn đọng đối với người có công, vì vậy, ngày 20/3/2017, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 408/QĐ-LĐTBXH về quy trình giải quyết hồ sơ người có công tồn đọng. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các Bộ, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhất là Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các địa phương, đặc biệt là ý kiến của các bậc lão thành cách mạng tập trung xem xét giải quyết hồ sơ tồn đọng tại các địa phương. Tính từ năm 2017, cả nước có 5.900 hồ sơ tồn đọng. Kết quả, Bộ đã giải quyết 5.900 hồ sơ tồn đọng cụ thể như sau: Trình Thủ tướng Chính phủ công nhận và cấp bằng Tổ quốc ghi công đối với 2.204 liệt sĩ, giải quyết cho 2500 trường hợp được hưởng chế độ thương, người hưởng chính sách như thương binh. Những hồ sơ không đủ điều kiện đã được kết luận và giải thích cho các đối tượng một cách thấu tình, đạt lý, đến nay, Bộ không có đơn thư khiếu nại về số hồ sơ này.

### 1.3. Công tác chăm lo đời sống người có công

#### a) Ưu đãi về nhà ở

Thực hiện Nghị quyết số 494/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 26/4/2013 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, với tổng số 393.707 hộ cần được hỗ trợ (trong đó: xây dựng nhà mới cho 184.695 hộ, sửa chữa nhà cho 209.012 hộ), tổng kinh phí cần hỗ trợ là 10.653.422 triệu đồng.

Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 09/2013/TT-BXD ngày 01/7/2013 hướng dẫn thực hiện Quyết định này, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 98/2013/TT-BTC ngày 24/7/2013 hướng dẫn việc quản lý, cấp phát và thanh, quyết toán vốn hỗ trợ nhà ở. Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, tính đến năm 2019 đã có 315.174/393.707 hộ đã được hỗ trợ nhà ở (chiếm tỷ lệ 80%).

Tính đến hết tháng 2/2020, theo báo cáo của các địa phương, sau khi rà soát, có khoảng 33.302 hộ gia đình người có công không còn nằm trong Đề án do một số người có công đã chuyển đi nơi khác hoặc được các cơ quan, tổ chức, cá nhân tài trợ...; đã hoàn thành việc hỗ trợ cho 328.235 hộ gia đình (155.688 hộ xây mới, 172.547 hộ sửa chữa); còn lại 32.170 hộ chưa thực hiện, phấn đấu đến hết năm 2020 cơ bản hoàn thành việc hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng; không còn hộ người có công thuộc diện hộ nghèo.

#### b) Vận động Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

Thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” đã được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, các tổ chức và cộng đồng xã hội tích cực hưởng ứng, trở thành nét đẹp truyền thống của dân tộc; được sự nhiệt tình, hưởng ứng đóng góp của cán bộ, công nhân viên chức, người lao động ở các cơ quan, đơn vị, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân, doanh

nghiệp, các nhà hảo tâm và xã hội. Tổng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cả nước đã bổ sung thêm được gần 5.200 tỷ đồng, trong đó cấp Trung ương là gần 19 tỷ đồng, cấp địa phương là gần 5.100 tỷ đồng.

Cả nước đã chi gần 12.683 tỷ đồng để hỗ trợ xây mới 85.145 căn nhà tình nghĩa, sửa chữa 70.431 căn nhà tình nghĩa, tặng 124.029 sổ tiết kiệm tình nghĩa trị giá gần 981 tỷ đồng; cả nước có 4.962 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được các đơn vị nhận phụng dưỡng suốt đời. Việc quản lý, sử dụng Quỹ được thực hiện theo Nghị định số 45/2006/NĐ-CP ngày 28/4/2006 của Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa đảm bảo chặt chẽ, đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

#### c) Trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công

Chế độ trợ cấp ưu đãi đối với người có công trong những năm qua được thực hiện đúng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và bám sát lộ trình cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công. Hàng năm, ngân sách Nhà nước dành sự ưu tiên đặc biệt, bố trí nguồn kinh phí đảm bảo chi thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công.

Từ năm 2004 đến nay, chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đã qua 10 lần điều chỉnh, từng bước khắc phục những hạn chế về mức, về nguyên tắc và phương thức điều chỉnh độc lập với chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, phù hợp với điều kiện của ngân sách nhà nước, góp phần từng bước cải thiện nâng cao đời sống của người có công. Mức chuẩn để xác định mức trợ cấp ưu đãi người có công là 1.515.000 đồng vào năm 2018 (cao hơn mức lương cơ sở là 1.390.000 đồng của cán bộ, công chức), năm 2019 là 1.624.000 đồng (mức lương cơ sở 1.490.000 đồng).

Hiện nay, số người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng là gần 1,4 triệu người và khoảng 300.000 thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng với tổng kinh phí khoảng 30.000 tỷ đồng/năm.

#### d) Điều dưỡng phục hồi sức khỏe

Từ ngày 01/01/2013, chế độ điều dưỡng luân phiên đối với người có công đã được tăng lên (giảm từ 5 năm sang 02 năm một lần) nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người có công với cách mạng. Đến nay, cả nước có 65 cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng và đón tiếp người có công với cách mạng đáp ứng cơ bản yêu cầu chăm sóc, điều dưỡng người có công nhất là đối với thương binh nặng.

#### đ) Giải quyết việc làm

Bên cạnh trợ cấp một lần và thường xuyên, người có công với cách mạng và thân nhân còn được ưu đãi trên nhiều mặt của đời sống xã hội, trong đó có ưu đãi giải quyết việc làm. Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 28/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho con liệt sĩ, con thương binh nặng, con bệnh binh nặng, theo báo cáo của các địa phương, đến nay, đã có khoảng 49.000 người có công và con của họ được hỗ trợ đào tạo nghề ở trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng, trong đó có trên 24.000 người được đào tạo nghề nông nghiệp và 25.000 người được đào tạo nghề phi nông nghiệp. Bộ Quốc phòng đã tiếp nhận trên 2.700 người là con của thương binh, con bệnh binh nặng vào làm việc tại

các doanh nghiệp quốc phòng, trong đó có 338 cháu là con của thương binh, con bệnh binh nặng đang điều dưỡng tại các trung tâm điều dưỡng thương binh.

e) Cấp thẻ Bảo hiểm y tế

Hiện, có trên 800.000 đối tượng người có công được Nhà nước mua bảo hiểm y tế (ngoài thân nhân người có công đã được Nhà nước mua bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế) với kinh phí khoảng gần 400 tỷ đồng/năm. Đồng thời, Pháp lệnh cũng bổ sung về trách nhiệm của cơ quan y tế trong việc hướng dẫn chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ, bảo hiểm y tế đối với người có công với cách mạng và thân nhân của họ.

Chế độ bảo hiểm y tế đối với người có công được quan tâm với phương châm người có công được ưu tiên cao nhất, được chăm sóc đầy đủ, kịp thời. Theo đó, người có công được thanh toán bảo hiểm y tế thanh toán 100% chi phí khám chữa bệnh còn thân nhân người có công được thanh toán 95%. Việc thực hiện chế độ bảo hiểm y tế đối với người có công cơ bản được triển khai khá tốt, đáp ứng được nguyện vọng của đối tượng, hầu như không phát sinh những thắc mắc về hình thức và mức hỗ trợ khi đối tượng đi khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế.

g) Ưu đãi giáo dục - đào tạo

Chế độ ưu đãi trong giáo dục - đào tạo đối với con người có công trong những năm qua đã có sự quan tâm thiết thực, triển khai có hiệu quả. Tổng số người có công và thân nhân đang hưởng trợ cấp ưu đãi giáo dục, tính đến tháng 6/2020 là 77.151 người.

1.4. Công tác quản lý các công trình ghi công liệt sĩ và quy tập hài cốt liệt sĩ, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ

Đến nay, cả nước có trên 3.200 nghĩa trang liệt sĩ và trên 3.000 các công trình ghi công liệt sĩ. Hàng năm, bên cạnh việc đầu tư ngân sách địa phương và xã hội hóa, Nhà nước đều bố trí một phần kinh phí để tu bổ, nâng cấp mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ.

Hiện, còn khoảng gần 200.000 hài cốt liệt sĩ chưa được quy tập và gần 300.000 hài cốt liệt sĩ đã được quy tập nhưng chưa đầy đủ thông tin. Ngày 14/01/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg phê duyệt Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin giao cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực và Quyết định số 1237/QĐ-TTg ngày 27/7/2013 phê duyệt Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ từ nay đến năm 2020 và các năm tiếp theo giao cho Bộ Quốc phòng là cơ quan thường trực. Năm 2019, Chính phủ đã nhập hai Ban chỉ đạo này thành Ban chỉ đạo tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 515).

Tính đến hết tháng 12/2019, thực hiện Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin, Bộ đã triển khai thực hiện và kết quả đạt như sau:

Bằng phương pháp thực chứng: Thông qua thông tin về đồng đội, đơn vị, thân nhân và thông tin về quy tập,... đã xác định được trên 2.614 danh tính liệt sĩ.

Bằng phương pháp giám định ADN: Các cơ sở giám định ADN thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các tổ chức giám định phục vụ công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin được tập trung đầu tư, nâng

cấp, nâng cao năng lực thực hiện với đội ngũ được đào tạo căn bản. Đã tiếp nhận 20.731 mẫu hài cốt liệt sĩ, tiến hành phân tích được 12.844 mẫu hài cốt liệt sĩ (trong đó có kết quả ADN 7.995 mẫu) và trả kết quả cho 1.299 trường hợp (đạt 16% so với mục tiêu). Những trường hợp đã phân tích ADN đều được lưu lại kết quả để phục vụ công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

## **2. Những tồn tại, hạn chế**

Thứ nhất, quy định về một số chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng còn ở mức thấp, chưa được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của một bộ phận gia đình người có công với cách mạng, ví dụ như: Chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ với mức 500.000 đồng/năm, trợ cấp thâm niên người hoạt động kháng chiến với mức 120.000 đồng/1 thâm niên...

Thứ hai, một số chế độ ưu đãi đang thực hiện đối với người có công với cách mạng chưa thật sự đảm bảo hài hoà giữa các đối tượng như: chưa có chế độ bảo hiểm y tế đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 còn sống (trong khi thân nhân của thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên đã được hưởng ưu đãi), chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân của Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; người có công giúp đỡ cách mạng đã từ trần nhưng chưa được hưởng chế độ ưu đãi...

Thứ ba, một số chế độ ưu đãi không còn hợp lý như: thân nhân có từ 4 liệt sĩ trở lên cũng chỉ được hưởng tối đa 3 định suất, ngược lại có trường hợp một người có công với cách mạng cùng một lúc được hưởng nhiều định suất (trợ cấp người phục vụ).

Thứ tư, nhiều ý kiến đề nghị bổ sung chế độ bảo hiểm y tế cho vợ hoặc chồng liệt sĩ tái giá mà nuôi dưỡng con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành hoặc chăm sóc bố mẹ liệt sĩ.

Thứ sáu, chính sách miễn giảm tiền thuế sử dụng đất cho người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học thì không phân biệt tỷ lệ suy giảm khả năng lao động và đều được miễn giảm 90% tiền sử dụng đất, trong khi thương binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 41 - 60% thì mức miễn giảm tiền sử dụng đất lại thấp hơn.

Thứ sáu, việc xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý Nhà nước đối với người có công với cách mạng tuy có nhiều cố gắng triển khai và đã đạt được một số kết quả nhất định; song, nhìn chung tiến độ vẫn còn chậm, chưa gắn kết giữa công tác tìm kiếm, quy tập với công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ, nguồn lực và điều kiện để triển khai các nhiệm vụ này trên thực tế chưa đáp ứng được yêu cầu.

Thứ bảy, công tác vận động quỹ chưa được tiến hành thường xuyên, chỉ tập trung vào dịp kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ.

Thứ tám, nguồn lực tham gia đóng góp không nhiều.



Thứ chín, chính sách hỗ trợ về nhà ở còn một số khó khăn, vướng mắc như: một số địa phương triển khai chậm, còn lúng túng hoặc nể nang trong việc xét chọn đối tượng hỗ trợ; thời gian thực hiện hỗ trợ kéo dài, việc cấp kinh phí còn chậm; định mức kinh phí cho việc xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà chưa tính đến yếu tố vùng, miền và ban hành từ năm 2013 đến nay không còn phù hợp, trượt giá cũng làm ảnh hưởng không ít đến tiến độ triển khai thực hiện.

### **3. Định hướng thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng gia đoạn 2021 - 2030**

#### **3.1. Quan điểm thực hiện chính sách ưu đãi người có công**

Thực hiện chính sách ưu đãi người có công giai đoạn này phải đảm bảo các tiêu chí minh bạch, khách quan trong xác nhận người có công và thân nhân người có công, đảm bảo cơ bản ban hành đầy đủ các chính sách ưu đãi cần phải có đối với người có công với mức ưu đãi phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối, huy động nguồn lực của đất nước.

Thực hiện chính sách ưu đãi người có công là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của cả hệ thống chính trị và là trách nhiệm của toàn xã hội nhằm đãi ngộ, tôn vinh, chăm sóc người có công; đảm bảo người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên cùng địa bàn nơi cư trú; đảm bảo hỗ trợ một phần thu nhập cho thân nhân người có công để họ không rơi vào diện nghèo đói theo chuẩn nghèo qui định của Chính phủ.

#### **3.2. Mục tiêu**

Phần đầu 100% gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Giải quyết những vấn đề vướng mắc về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ xác nhận người có công với cách mạng.

Để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2020, 100% gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú thì một trong những giải pháp quan trọng và cơ bản là triển khai đồng bộ hệ thống chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác người có công với cách mạng.

Chính sách ưu đãi người có công được thực hiện trên cơ sở các quy định văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Sau hơn 8 năm thực hiện, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2012 đã bộc lộ những bất cập, hạn chế cần phải điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp: Các quy định của Pháp lệnh còn chưa đầy đủ để điều chỉnh thực tiễn sinh động của công tác ưu đãi người có công với cách mạng, nội dung một số văn bản quy định về ưu đãi người có công với cách mạng còn chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn với nhau về cùng một lĩnh vực ưu đãi, ví dụ như ưu đãi giáo dục được quy định bởi 2 văn bản: Ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện chế độ miễn giảm học phí, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội vẫn thực hiện chế độ trợ cấp ưu đãi giáo dục - đào tạo hàng tháng và trợ cấp mỗi năm một lần. Về hình thức văn bản hướng dẫn hiện nay cũng có những vướng mắc, khó khăn do quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới cho phép quy định thủ tục hành chính trong Thông tư, dẫn đến không đảm bảo được tính chủ

động, kịp thời trong việc ban hành văn bản hướng dẫn. Ngoài ra, một số quy định trong Pháp lệnh chưa quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành như: Điều kiện, tiêu chuẩn, quy chế, chuyên môn, kỹ thuật bảo đảm việc xác nhận, giám định sức khỏe đối với người hoạt động kháng chiến hoặc con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học; chế độ ưu tiên, ưu đãi trong sản xuất, kinh doanh công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; xử lý vi phạm ở lĩnh vực người có công.

Vì vậy, để thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng được quy định tại Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng với mục tiêu "phấn đấu đến năm 2020, 100% gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú" đồng thời giải quyết những vấn đề vướng mắc về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ xác nhận người có công với cách mạng, Bộ đã trình Chính phủ đề trình Quốc hội dự án Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi).

### 3.3. Những điểm mới trong Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi)

Việc xây dựng dự án Pháp lệnh (sửa đổi) này sẽ được tiến hành sửa đổi toàn diện để thay thế Pháp lệnh hiện hành nhằm tháo gỡ các vấn đề còn vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Pháp lệnh, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; tiếp tục thể chế hóa đầy đủ, kịp thời quan điểm, chủ trương của Đảng, đồng thời tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ, minh bạch, thống nhất, đảm bảo công bằng, hợp lý, tạo sự đồng thuận cao của xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công và thân nhân của họ; huy động sự tham gia đóng góp tích cực hơn nữa của xã hội, của các tổ chức, cá nhân để cùng với nhà nước chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng và thân nhân của người có công; xác định cơ chế, chính sách khuyến khích, động viên người có công với cách mạng và gia đình vươn lên phát triển kinh tế, gìn giữ và phát huy truyền thống cách mạng tại nơi cư trú, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong đó, bảo đảm công khai, minh bạch trong công nhận và tôn vinh người có công với cách mạng, với đất nước; bảo đảm nguyên tắc công hiến và công bằng trong thực hiện chế độ ưu đãi người có công; kế thừa và nâng tầm hiệu lực pháp lý các quy định của pháp luật ưu đãi người có công hiện hành vẫn còn phù hợp; bảo đảm tính khả thi trong việc giải quyết hồ sơ xác định đối tượng người có công với cách mạng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng giai đoạn lịch sử cách mạng; kết hợp việc bố trí tăng ngân sách nhà nước với đẩy mạnh huy động, đa dạng hóa các nguồn lực xã hội đối với công tác người có công với cách mạng; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác chăm sóc người có công, cụ thể các vấn đề chính cần được sửa đổi, bổ sung.

#### a) Bổ sung chế độ đối với vợ hoặc chồng Liệt sĩ đã tái giá

Pháp lệnh hiện hành quy định thân nhân của liệt sĩ là: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, người có công nuôi dưỡng liệt sĩ; vợ hoặc chồng liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác thì không phải là thân nhân liệt sĩ và không được hưởng các chế độ ưu đãi như thân nhân liệt sĩ.

Tuy nhiên, để ghi nhận tình cảm, trách nhiệm của người vợ/chồng tuy đã có chồng/vợ khác nhưng vẫn làm tốt việc chăm sóc gia đình liệt sĩ, nuôi con liệt sĩ, Chính phủ đã bổ sung

trong Pháp lệnh (sửa đổi) chính sách trợ cấp tuất hàng tháng (bằng một lần mức chuẩn) đối với trường hợp có biên bản của gia đình hoặc họ tộc liệt sĩ khẳng định đã nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành hoặc chăm sóc bố mẹ liệt sĩ khi còn sống, được Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận và bổ sung chế độ bảo hiểm y tế đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đã tái giá.

b) Công nhận Liệt sĩ thời bình

Điểm e Khoản 1 Điều 11 của Pháp lệnh hiện hành quy định “Dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và Nhân dân” là một trường hợp được xem xét công nhận liệt sĩ. Thực tiễn thực hiện quy định này gặp rất nhiều khó khăn do tiêu chí xác định “dũng cảm cứu người, cứu tài sản” không rõ, dẫn đến nhiều trường hợp chết khi cứu người bị đuối nước hoặc tham gia phòng, chống bão lũ, làm nhiệm vụ bị tai nạn,... được công nhận liệt sĩ làm dư luận xã hội không đồng tình.

Dự thảo Pháp lệnh (sửa đổi) đã điều chỉnh nội dung này tại Điều 14 của dự thảo Pháp lệnh theo hướng chỉ xem xét đối với những trường hợp chết do có hành động đặc biệt dũng cảm thực hiện các công việc đặc biệt nguy hiểm, cấp bách, để cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, Nhân dân; là những tấm gương, có ý nghĩa tôn vinh, giáo dục và lan tỏa rộng rãi trong xã hội. Những trường hợp khác hướng chuyển sang tôn vinh, khen thưởng Huân chương, Huy chương và thực hiện trợ cấp mai táng hoặc hưởng chính sách tử tuất theo Luật Bảo hiểm xã hội.

c) Về xem xét đối tượng bệnh binh thời bình

Pháp lệnh hiện hành quy định: “Bệnh binh là quân nhân, công an nhân dân mắc bệnh làm suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên khi xuất ngũ” và “là quân nhân, công an nhân dân mắc bệnh làm suy giảm khả năng lao động từ 41% đến 60% đã được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận trước ngày 31/12/1994”.

Dự thảo Pháp lệnh (sửa đổi) quy định như sau:

Đối với các trường hợp là bệnh binh đang hưởng theo Pháp lệnh hiện hành thì tiếp tục được hưởng theo quy định.

Không tiếp tục công nhận bệnh binh mới là đối tượng người có công; trừ các trường hợp làm nhiệm vụ đặc biệt nguy hiểm, cấp bách làm suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên. Bệnh binh mới từ khi Pháp lệnh sửa đổi có hiệu lực, hưởng chế độ theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

*Nguồn: Báo cáo chuyên đề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ*

## “TRÊN 99% CÁN BỘ, CÔNG CHỨC HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ THÌ TINH GIẢN AI”

Một trong những lý do khiến các đơn vị khó tìm ra đối tượng không hoàn thành nhiệm vụ để tinh giản là do đánh giá cán bộ công chức cuối năm có đến 99% cán bộ, công chức hoàn thành tốt, thậm chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Theo báo cáo của Chính phủ, trong năm 2020, cả nước đã tinh giản biên chế được gần 24.000 người. Tính cả giai đoạn 2016 - 2020, trong tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, các cơ quan, đơn vị đã giảm hơn 27.000 biên chế công chức, gần 243.000 biên chế viên chức.

Nổi bật trong công tác tổ chức sắp xếp bộ máy hành chính các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương là việc hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã, sắp xếp thôn, tổ dân phố. Về tinh giản biên chế, các cơ quan đơn vị đã giảm trên 27.500 biên chế công chức. Ngoài ra, công chức từ cấp huyện trở lên giảm 40.000 người, giảm gần 148.000 cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố.

### **Tỉnh Quảng Ninh đi đầu về sắp xếp tổ chức, TP. Hà Nội dẫn đầu về triển khai đề án vị trí việc làm**

Theo Bộ trưởng Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, mặc dù còn nhiều khó khăn, vướng mắc từ trung ương đến địa phương, nhưng các bộ ngành, đặc biệt là các địa phương, rất nỗ lực, tới nay, kết quả đạt được khá tốt, đã giảm được một tỷ lệ khá lớn các đơn vị hành chính cũng như các đơn vị sự nghiệp (khoảng 25%), số lượng biên chế đã giảm khá ấn tượng, trên 10% biên chế công chức và gần 11% biên chế viên chức. Đây cũng là một kinh nghiệm tốt để chúng ta tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Trong nỗ lực tinh giản biên chế ở các bộ ngành địa phương, tỉnh Quảng Ninh được xem là một trong những địa phương chủ động, quyết liệt sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả, thực hiện tinh giản biên chế theo vị trí việc làm. Toàn bộ 13 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh cũng đã thực hiện hợp nhất Ban Tổ chức cấp ủy với Phòng Nội vụ cấp huyện thành cơ quan tổ chức nội vụ; Ủy ban kiểm tra với thanh tra cấp huyện thành cơ quan kiểm tra thanh tra.

Còn TP. Hà Nội là một trong những địa phương được đánh giá đi đầu cả nước về triển khai đề án vị trí việc làm. Sau 3 năm triển khai đề án vị trí việc làm, thành phố đã có 646 trường hợp phải thay đổi vị trí việc làm, trong đó 96 trường hợp điều chuyển để phù hợp với bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ, yêu cầu của vị trí việc làm; 317 trường hợp phải đào tạo, bồi dưỡng bổ sung cho phù hợp với vị trí việc làm và 154 trường hợp phải nghỉ tinh giản biên chế, 79 trường hợp thôi việc và bố trí công tác khác”, bà Liễu cho biết thêm.

Năm 2021, biên chế hành chính của TP. Hà Nội là hơn 9.000 người, trong đó công chức gần 8.000 biên chế, giảm 115 người so với năm 2020. Cùng với giảm biên chế công chức, Hà Nội cũng sẽ thực hiện giảm hơn 6.000 biên chế viên chức so với năm 2020.

**Tinh giản chưa hiệu quả, “siết chỗ nọ, phình chỗ kia”**

Mặc dù các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện khá quyết liệt việc tinh giản biên chế nhưng theo đánh giá của một số chuyên gia trong lĩnh vực tổ chức cán bộ, tinh giản biên chế chưa đem lại hiệu quả như mong muốn. Tổng biên chế cả nước không những không giảm mà ở nhiều nơi còn có chiều hướng tăng.

PGS. TS. Vũ Quang Thọ, nguyên Viện trưởng Viện Công nhân, công đoàn, nêu thực tế, chúng ta tinh giản, nhưng chỗ này chỗ kia lại phình ra, như thế là chưa làm được. Có chỗ này, chỗ kia xem xét lại, thậm chí có bộ ngành cũng tự nguyện tinh giản bộ máy quản lý, nhưng chúng ta vẫn chưa làm được hoặc chưa có kết quả lớn, đem lại hiệu lực cho quản lý nhà nước.

Lý giải nguyên nhân tinh giản biên chế không đạt hiệu quả như mong muốn, PGS. TS. Ngô Thành Can, giảng viên cao cấp Học viện Hành chính quốc gia, cho rằng, có mấy lý do cơ bản.

Đầu tiên, nhận thức và sự tích cực, sâu sát của các cấp lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan cũng chưa tích cực công việc này. Thứ hai, chúng ta đã có chính sách, đã tập trung, nhưng đầu đó vẫn chưa thực hiện một cách nghiêm chỉnh, chưa có chế tài xử phạt, khen chê nên có tâm lý nếu làm được thì làm, không làm được thì để từ từ. Thứ ba, đầu đó vẫn còn sự nể nang, giữ thì vẫn giữ, người thân quen vẫn đưa vào.

“Lãnh đạo một cơ quan nhà nước ở một thành phố lớn, từng tuyên bố, khoảng 40% người không làm được và không thể giảm biên chế được vì toàn “con cháu” cả”, PGS. TS. Ngô Thành Can dẫn chứng.

Không dựa trên vị trí, năng lực khi tiến hành lựa chọn biên chế dẫn đến bộ máy vừa công kênh vừa thiếu cán bộ có năng lực chuyên môn cũng là ý kiến của TS. Đinh Duy Hòa, nguyên Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ.

Theo TS. Đinh Duy Hòa, các đơn vị khó tìm ra đối tượng không hoàn thành nhiệm vụ để tinh giản là do đánh giá cán bộ công chức vào dịp cuối năm có đến 99% cán bộ, công chức hoàn thành tốt, thậm chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

“Nói chung đánh giá chưa chuẩn. Đánh giá cán bộ công chức viên chức, kết quả làm việc là gì thì dựa vào kết quả đó để đánh giá, trên cơ sở đó mới ra các tiêu chí”- ông Hòa nhấn mạnh.

Tinh giản biên chế đã và đang được thực hiện ở khắp nơi, còn thực tế vẫn tồn tại những người năng lực, trình độ yếu kém trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức. Đó là bệnh “sáng cấp ô đi, tối cấp ô về” vẫn tồn tại ở hầu khắp cơ quan, đơn vị. Chỉ có điều, số lượng cán bộ công chức ấy nhiều hay ít mà thôi. Chây ỳ, lười biếng và không có ý thức vẫn tồn tại đầu đó trong đội ngũ cán bộ công chức.

**Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, một trong những cột mốc làm rõ thêm về tinh giản biên chế**

Để giải bài toán tinh giản biên chế, cuối năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2020/NĐ-CP với những điều kiện cụ thể để tinh giản công chức, viên chức. Những giải pháp này được kỳ vọng sẽ giảm được những người không làm được việc, không có ý thức kỷ luật ra khỏi bộ máy.

PGS. TS. Ngô Thành Can cho biết, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP là một trong những cột mốc làm rõ thêm về tinh giản biên chế. Nhiều năm thực hiện nhưng chúng ta vẫn chưa đưa ra ngoài được những người không đáp ứng được công việc mà cũng không phát triển được những người có năng lực, người có mong muốn đóng góp.

Vì thế, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP tạo ra hành lang để cho các cơ quan đơn vị có thể dễ dàng hơn, xử lý hợp lý hơn, một số chức danh của cán bộ, công chức, viên chức cụ thể trong những trường hợp cụ thể để giải quyết, ví dụ như thiết kế lại công việc, cấu trúc lại tổ chức, đối tượng dôi dư, thiết kế đề án vị trí việc làm... tạo ra cơ hội tốt hơn cho các nhà lãnh đạo quản lý, sử dụng và làm gọn vị trí việc làm, làm gọn số lượng biên chế, để tập trung giữ lại được những người có năng lực, phù hợp với vị trí.

Theo PGS. TS. Phạm Bích San, chuyên gia xã hội học, chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, nghị định liên quan tinh giản biên chế nhưng hiệu quả chưa như mong đợi. Vì thế ông cho rằng, để tinh gọn đầu mối, tinh giản biên chế, phải quyết tâm và thực hiện đồng bộ 3 giải pháp: Thứ nhất, phải tăng cường giám sát hiệu quả của bộ máy hành chính, ai làm việc hiệu quả, ai không để giữ ai và bỏ ai một cách tâm phục khẩu phục. Thứ hai, phải mở rộng cơ chế thị trường, người ta sẵn sàng ra ngoài. Thứ ba, giải pháp từ xã hội, xã hội cũng cần có sự giám sát, nếu như bộ máy cải cách xong mà làm việc vẫn không tốt thì đương nhiên phải cắt bỏ, giảm đi.

Ông Thang Văn Phúc, nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ nêu quan điểm, muốn tinh giản biên chế có hiệu quả thì cần sớm hoàn thiện các quy định, tiêu chí để đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, làm rõ chức năng nhiệm vụ của từng Bộ, ngành, cơ quan, địa phương, từ đó thực hiện Luật Cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.

Quyết không chấp nhận tăng biên chế, phình bộ máy điều này không chỉ dừng lại ở quyết tâm chính trị mà phải biến thành hành động, hành động quyết liệt nếu không biên chế không những không giảm mà có thể còn tiếp tục phình to.

*Nguồn: vov.vn*

## CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT VỀ THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ XUẤT KHẨU BỀN VỮNG

Ngày 29/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 63/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022.

Nghị quyết đưa ra 5 mục tiêu: 1. Phân đấu quyết liệt để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu trong Nghị quyết số 124/2020/QH14 của Quốc hội và Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ; 2. Tập trung kiểm soát, đẩy lùi dịch COVID-19, phân đấu hoàn thành tiêm chủng đạt miễn dịch cộng đồng trong thời gian sớm nhất có thể; 3. Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; phát triển xuất nhập khẩu, hướng đến cán cân thương mại hài hòa, bền vững; 4. Phân đấu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư ngân sách Nhà nước năm 2021 đạt 95 - 100% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao từ đầu năm. Trong đó đến hết quý III/2021 giải ngân đạt tối thiểu 60% kế hoạch; 5. Giữ vững ổn định chính trị xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; chủ động hội nhập quốc tế toàn diện sâu rộng; gìn giữ môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh, bền vững.

### **9 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm**

Nghị quyết đề 9 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm: 1. Tập trung cao độ phòng, chống dịch COVID-19, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; 2. Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn; 3. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số; 4. Rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách; 5. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; 6. Thúc đẩy xuất nhập khẩu, phát triển thương mại hài hòa, bền vững; 7. Các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; 8. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội, theo tinh thần “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, truyền cảm hứng và tạo niềm tin cho nhân dân, nâng cao ý thức trách nhiệm, tính tự giác, tích cực thực hiện phòng, chống dịch và thúc đẩy sản xuất kinh doanh; tăng cường giám sát không gian mạng để loại bỏ các thông tin xấu độc; chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch; 9. Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước.

Trong đó, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, phương châm “5K + vaccine” và tăng cường ứng dụng công nghệ. Kết hợp hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa phòng ngừa và tấn công dịch bệnh, lấy phòng ngừa là cơ bản, chiến lược, lâu dài, quyết định, tấn công là chủ động, đột phá.

Tuyệt đối không được chủ quan, lơ là, mất cảnh giác, nhưng cũng không được hoang mang, mất bình tĩnh, thiếu bản lĩnh. Rà soát các phương án phòng, chống dịch, rút kinh nghiệm thực tiễn, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, thường xuyên cập nhật tình hình dịch bệnh, có kế hoạch cụ thể để chủ động phòng, chống dịch hiệu quả, nhất là tại các khu công nghiệp, khu đông dân cư, chợ đầu mối thích nghi với dịch bệnh trong mọi tình huống.

Tập trung mọi nguồn lực để thực hiện chiến lược vaccine, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ Quỹ vaccine phòng, chống COVID-19. Vận động các đối tác đã có cam kết thực hiện giao vaccine đúng tiến độ và trong thời gian sớm nhất. Tổ chức hiệu quả chiến dịch tiêm vaccine phòng COVID-19; tập trung cho các đối tượng ưu tiên, trong đó có các đối tượng thuộc địa bàn, ngành, lĩnh vực là động lực tăng trưởng của nền kinh tế, công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp và trong các ngành thương mại, dịch vụ. Chủ động đàm phán, công nhận kết quả tiêm vaccine với các nước, đặc biệt các quốc gia là đối tác quan trọng của Việt Nam.

Tiếp tục thúc đẩy nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ để phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt là các nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh.

Khuyến khích các doanh nghiệp, địa phương tiếp cận bình đẳng các nguồn vaccine, tuân thủ thực hiện quản lý nhà nước, nhất là kiểm soát chất lượng và cấp phép của Bộ Y tế, dứt khoát không để cạnh tranh không lành mạnh giữa khu vực Nhà nước và tư nhân.

### **Tiến tới hình thành công nghiệp sản xuất vaccine**

Bộ Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan khẩn trương ban hành, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp tại các nhà máy, khu công nghiệp, chợ đầu mối, bảo đảm duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nghiên cứu, đề xuất thành lập trung tâm để chuyển giao công nghệ, nghiên cứu, sản xuất vaccine đạt tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng chính sách hỗ trợ đặc thù để thu hút tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu, tiếp nhận công nghệ sản xuất vaccine, tiến tới hình thành công nghiệp sản xuất vaccine.

Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thủ tục xuất nhập cảnh, tạo thuận lợi cho các chuyên gia, tư vấn vào Việt Nam, nhất là phục vụ các dự án đầu tư.

### **Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn**

Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bảo đảm an toàn hệ thống; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả các chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách khác, phù hợp với tình hình thực tiễn, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng; kiểm soát chặt chẽ tín dụng các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tích cực triển khai các biện pháp giám sát, kiểm soát và xử lý nợ xấu. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ.



Theo dõi sát diễn biến tình hình, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa thiết yếu, ổn định giá cả, thị trường. Kiểm soát và có biện pháp kịp thời để đảm bảo nguồn cung và giá cả của nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất trong nước, đặc biệt là hoạt động xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư.

### **Đẩy mạnh Chương trình chuyển đổi số quốc gia, thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử**

Về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số, Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với cá thể hóa trách nhiệm và tăng cường kiểm tra, giám sát. Đẩy mạnh cải cách, cắt giảm ngay thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh lãng phí thời gian, nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; chủ động có giải pháp thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chuyển đổi số; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, khẩn trương triển khai thực hiện thí điểm dịch vụ mobile money.

Bộ Công Thương chủ trì xây dựng chính sách thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử; có biện pháp xử lý nghiêm vi phạm, bảo đảm chất lượng hàng hóa và nâng cao niềm tin cho người tiêu dùng.

### **Xử lý các điểm nghẽn trong giải ngân vốn đầu tư công**

Chính phủ cũng yêu cầu các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu; rà soát việc phân bổ kế hoạch vốn cho các dự án phù hợp với tiến độ thực hiện, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún, kéo dài.

Trong đó, tập trung: (i) Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, tài nguyên; (ii) Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thi công; thực hiện nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng; (iii) Rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, còn thiếu vốn; (iv) Thành lập tổ công tác thúc đẩy giải ngân vốn trong từng bộ, cơ quan, địa phương để đôn đốc, kiểm tra, giám sát, xử lý các điểm nghẽn trong giải ngân vốn đầu tư công; (v) Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu, cá nhân có liên quan trong trường hợp không hoàn thành kế hoạch giải ngân theo tiến độ đề ra; (vi) Kiên quyết chống trì trệ, xử lý nghiêm các trường hợp tiêu cực trong đầu tư công; (vii) Thực hiện đấu thầu qua mạng theo quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, lựa chọn nhà thầu đủ năng lực; (viii) Xử lý nghiêm các trường hợp nhà thầu vi phạm tiến độ hợp đồng.

### **Khẩn trương ban hành chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khó khăn do COVID-19**

Tại Nghị quyết này, Chính phủ đã giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan khẩn trương trình Chính phủ ban hành chính sách hỗ

trợ người lao động, người sử dụng lao động và các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp tục đề xuất các giải pháp, chính sách về thuế, phí, lệ phí để hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất các chính sách, giải pháp về tín dụng để hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho người dân, doanh nghiệp; khuyến khích tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để tiếp tục giảm lãi suất cho vay hỗ trợ sản xuất kinh doanh.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách kích cầu, phục hồi hoạt động du lịch, lễ hành; khẩn trương trình Chính phủ ban hành chính sách giảm số tiền ký quỹ của các doanh nghiệp lễ hành.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## **CHÍNH PHỦ: QUY ĐỊNH GIẤY TỜ, TÀI LIỆU CHỨNG MINH CHỖ Ở HỢP PHÁP**

Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú, trong đó, có hướng dẫn về giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp.

Nghị định số 62/2021/NĐ-CP quy định công dân khi đăng ký cư trú cần chứng minh chỗ ở hợp pháp bằng một trong các loại giấy tờ, tài liệu sau:

1. Giấy tờ, tài liệu chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc tài sản gắn liền với đất do cơ quan có thẩm quyền cấp (trong đó có thông tin về nhà ở).
2. Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (đối với trường hợp công trình phải cấp giấy phép xây dựng và đã xây dựng xong).
3. Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước hoặc giấy tờ về hóa giá thanh lý nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.
4. Hợp đồng mua nhà ở hoặc giấy tờ chứng minh việc đã bàn giao nhà ở, đã nhận nhà ở của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhà ở đầu tư xây dựng để bán.
5. Giấy tờ về mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế, nhận góp vốn, nhận đổi nhà ở phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và nhà ở.
6. Giấy tờ về giao tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, cấp nhà ở, đất ở cho cá nhân, hộ gia đình.
7. Giấy tờ của tòa án hoặc cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền giải quyết cho được sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật;

8. Giấy tờ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã về nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở nếu không có một trong các giấy tờ nêu trên.

9. Giấy tờ chứng minh về đăng ký, đăng kiểm phương tiện thuộc quyền sở hữu. Trường hợp phương tiện không phải đăng ký, đăng kiểm thì cần có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã về việc phương tiện được sử dụng để ở; giấy xác nhận đăng ký nơi thường xuyên đậu, đỗ của phương tiện nếu nơi đăng ký cư trú không phải nơi đăng ký phương tiện hoặc phương tiện đó không phải đăng ký, đăng kiểm.

10. Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ chỗ ở hợp pháp là văn bản cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ của cơ quan, tổ chức, cá nhân phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và nhà ở.

11. Giấy tờ của cơ quan, tổ chức do thủ trưởng cơ quan, tổ chức ký tên, đóng dấu chứng minh về việc được cấp, sử dụng nhà ở, chuyển nhượng nhà ở, có nhà ở tạo lập trên đất do cơ quan, tổ chức giao đất để làm nhà ở (đối với nhà ở, đất thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức).

Nghị định nêu rõ trường hợp công dân đăng ký thường trú tại chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Cư trú phải có thêm giấy tờ, tài liệu chứng minh đủ diện tích nhà ở để đăng ký thường trú theo quy định.

Giấy tờ, tài liệu chứng minh đủ diện tích nhà ở để đăng ký thường trú gồm: Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở có thể hiện thông tin về diện tích nhà ở đang sử dụng hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã về điều kiện diện tích bình quân bảo đảm theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trường hợp thông tin chứng minh về chỗ ở hợp pháp của công dân đã có trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được kết nối, chia sẻ với cơ quan đăng ký cư trú thì cơ quan đăng ký cư trú tự kiểm tra, xác minh, không yêu cầu công dân phải cung cấp giấy tờ chứng minh.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## **CHÍNH SÁCH MỚI**

### **CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 7/2021**

Nhiều thay đổi về chính sách ưu đãi với người có công, tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội lên 360.000 đồng/tháng từ 01/7/2021, quy định giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp... là những chính sách mới có hiệu lực từ 1/7/2021.

**Nhiều thay đổi về chính sách ưu đãi với người có công**

Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 được Quốc hội ban hành ngày 09/12/2020 về ưu đãi về người có công chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2021, thay thế cho Pháp lệnh năm 2005.

Theo Pháp lệnh này, thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh được Nhà nước hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu, bao gồm nhà xưởng, trường, lớp, trang thiết bị, được vay vốn ưu đãi để sản xuất, kinh doanh, miễn hoặc giảm thuế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Đây là một chế độ mới mà trước đây chưa quy định cho các đối tượng người có công này.

Với Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, mức trợ cấp hàng tháng cũng được tăng từ ngày 01/7/2021, cụ thể là bằng 3 lần mức chuẩn (tức 4.872.000 đồng/tháng), thay vì 1 lần mức chuẩn như quy định trước đây.

Riêng với vợ hoặc chồng liệt sĩ đã tái giá nhưng vẫn nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành, hoặc chăm sóc cha, mẹ đẻ của liệt sĩ khi còn sống, sẽ được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng và được hỗ trợ về bảo hiểm y tế.

**Tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội lên 360.000 đồng/tháng từ 01/7/2021**

Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ban hành ngày 15/03/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; trong đó điều chỉnh mức chuẩn trợ giúp xã hội lên 360.000 đồng/tháng áp dụng từ ngày 01/7/2021.

**Không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường sẽ bị phạt đến 200 triệu đồng**

Có hiệu lực từ ngày 10/07/2021, Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ban hành ngày 24/5/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trong đó, đối với vi phạm quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trọng hoạt động khai thác khoáng sản, Nghị định số 55/2021/NĐ-CP quy định bổ sung mức phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về cơ quan phê duyệt phương án và cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường tại địa phương theo quy định; không báo cáo cơ quan phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong trường hợp có sự điều chỉnh phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Đồng thời, Nghị định số 55/2021/NĐ-CP sửa đổi phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng, hoặc thực hiện không đầy đủ một trong các hạng mục công việc phải thực hiện trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không lập lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định, trừ trường hợp thuộc đối tượng phải lập lại báo đánh giá tác động môi trường.

## **Quy định nhiệm vụ của Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại phái bộ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc**

Có hiệu lực từ ngày 01/7/2021, Nghị định số 61/2021/NĐ-CP ban hành ngày 25/6/2021 quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 130/2020/QH14 của Quốc hội về việc tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

Trong đó, về nhiệm vụ, quyền hạn của Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại phái bộ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, Nghị định quy định trong thực hiện thỏa thuận giữa Việt Nam và Liên hợp quốc, Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam là người chỉ huy cao nhất, đại diện của lực lượng Việt Nam tại phái bộ về lĩnh vực hành chính và kỷ luật với Liên hợp quốc. Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực tham gia do cấp có thẩm quyền của Liên hợp quốc giao theo thỏa thuận giữa Việt Nam và Liên hợp quốc; giúp cơ quan điều phối quốc gia về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc trong việc tham mưu cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về nâng cao năng lực tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại phái bộ có nhiệm vụ làm việc với chính quyền nước sở tại, tổ chức quốc tế và đối tác khác tại phái bộ khi được phép của cấp có thẩm quyền nhằm thúc đẩy quan hệ song phương, đa phương và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc của lực lượng Việt Nam; theo dõi, giúp đỡ lực lượng Việt Nam tại phái bộ trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Trong chỉ đạo, quản lý, chỉ huy và điều hành lực lượng Việt Nam tại phái bộ, Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại phái bộ có nhiệm vụ giúp cơ quan điều phối quốc gia về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc trong việc nghiên cứu, tham mưu cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về chỉ đạo, quản lý, chỉ huy và điều hành lực lượng Việt Nam tại phái bộ; điều phối công tác hỗ trợ triển khai, điều chỉnh, rút lực lượng Việt Nam khỏi phái bộ; giúp cơ quan điều phối quốc gia về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc trong chỉ đạo, quản lý, chỉ huy và điều hành về hành chính và kỷ luật đối với lực lượng Việt Nam tại phái bộ và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

## **Quy định giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp**

Có hiệu lực từ ngày 01/7/2021, Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú, trong đó, có hướng dẫn về giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp.

Nghị định số 62/2021/NĐ-CP quy định công dân khi đăng ký cư trú cần chứng minh chỗ ở hợp pháp bằng một trong các loại giấy tờ, tài liệu sau: Giấy tờ, tài liệu chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc tài sản gắn liền với đất do cơ quan có thẩm quyền cấp (trong đó có thông tin về nhà ở); giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (đối với trường hợp công trình phải cấp giấy phép xây dựng và đã xây dựng xong); hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước hoặc giấy tờ về hóa giá thanh lý nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; hợp đồng mua nhà ở hoặc giấy tờ chứng minh việc đã bàn giao nhà ở, đã nhận nhà

ở của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhà ở đầu tư xây dựng để bán; giấy tờ về mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế, nhận góp vốn, nhận đổi nhà ở phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và nhà ở...

### **Quy định mới về hủy, xác lập lại số định danh cá nhân**

Có hiệu lực từ ngày 01/7/2021, Thông tư số 59/2021/TT-BCA của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021.

Thông tư nêu rõ quy định việc hủy, xác lập lại số định danh cá nhân. Cụ thể, trường hợp xác lập lại số định danh cá nhân do công dân được xác định lại giới tính hoặc cải chính năm sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch thì công an cấp xã nơi công dân đăng ký thường trú yêu cầu công dân đó cung cấp giấy tờ, tài liệu hộ tịch chứng minh việc đã được xác định lại giới tính hoặc cải chính năm sinh để kiểm tra, xác minh, bổ sung vào hồ sơ quản lý và gửi yêu cầu đề nghị xác lập lại số định danh cá nhân cho công dân lên cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Trường hợp hủy số định danh cá nhân đã xác lập cho công dân do có sai sót trong quá trình nhập dữ liệu liên quan đến thông tin về nơi đăng ký khai sinh, năm sinh, giới tính của công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì công an cấp xã nơi công dân đăng ký thường trú phải kiểm tra, xác minh tính chính xác của các thông tin cần điều chỉnh và gửi yêu cầu đề nghị hủy, xác lập lại số định danh cá nhân cho công dân lên cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an.

### **Trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân**

Thông tư số 60/2021/TT-BCA của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân cũng có hiệu lực từ ngày 01/7/2021.

Trong đó, về tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, Thông tư nêu rõ, công dân đến địa điểm làm thủ tục cấp căn cước công dân hoặc thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân.

Trường hợp công dân đủ điều kiện cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân thì cán bộ thực hiện tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân và thực hiện theo quy định.

Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân thì cán bộ thực hiện từ chối tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân và nêu rõ lý do.

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## **BỘ NỘI VỤ: BAN HÀNH VĂN BẢN, CHÍNH SÁCH MỚI**

**\* Sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động**

Theo đó, ngày 29/6, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thi Thanh Trà ký ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BNV sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Cụ thể:

Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều về chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Thứ nhất, sửa đổi điểm c Khoản 1 Điều 1 như sau: “Những người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có thỏa thuận trong hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang”.

Thứ hai, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 2 như sau: “Thời gian cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia phục vụ tại ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự”.

Thứ ba, bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 2 như sau: “Thời gian tập sự (bao gồm cả trường hợp được hưởng 100% mức lương của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tập sự). Thời gian cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ. Thời gian thử thách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên thì tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên. Thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành của pháp luật”.

Thứ tư, sửa đổi tiêu chuẩn 1 điểm a Khoản 2 Điều 2 như sau: “Tiêu chuẩn 1: Được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên”.

Thứ năm, sửa đổi Khoản 3 Điều 2 như sau: “Trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng, nếu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã có thông báo hoặc quyết định bằng văn bản của cấp có thẩm quyền là không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm hoặc bị kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức thì bị kéo dài thời gian tính nâng bậc lương thường xuyên so với thời gian quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này như sau:

a) Kéo dài 12 tháng đối với các trường hợp: Cán bộ bị kỷ luật cách chức; Công chức bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức; Viên chức và người lao động bị kỷ luật cách chức.

b) Kéo dài 06 tháng đối với các trường hợp: Cán bộ, công chức và người lao động bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo; Viên chức bị kỷ luật cảnh cáo; Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm; trường hợp trong thời gian giữ bậc có 02 năm không liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì mỗi năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao bị kéo dài 06 tháng.

c) Kéo dài 03 tháng đối với viên chức bị kỷ luật khiển trách.

d) Trường hợp vừa bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

đ) Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng một hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng quy định tại điểm a, b và c khoản này.

e) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động là đảng viên bị kỷ luật Đảng: nếu đã có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật hành chính; nếu không có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật Đảng tương ứng với các hình thức xử lý kỷ luật hành chính quy định tại khoản này”.

Thứ sáu, sửa đổi điểm d Khoản 1 Điều 3 như sau: “d) Không thực hiện hai lần liên tiếp nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ”.

Thứ bảy, sửa đổi điểm b và điểm c Khoản 3 Điều 4 như sau: “b) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý (bao gồm cả ngạch chuyên viên cao cấp và các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương ngạch chuyên viên cao cấp). c) Việc quyết định nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quản lý thực hiện theo phân cấp hiện hành”.

Sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức tại Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Cụ thể:

Thứ nhất, bổ sung điểm 1.3 Khoản 1 Mục I như sau: “Những người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có thỏa thuận trong hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (người lao động).

Thứ hai, sửa đổi điểm 1.3 Khoản 1 Mục III thành: “Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nếu không hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm hoặc bị kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức hoặc cách chức thì cứ mỗi năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật thì thời gian để xét hưởng phụ cấp thâm niên



vượt khung bị kéo dài được xác định như các trường hợp kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư này”.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2021.

**\* Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Bộ Nội vụ**

Ngày 24/6/2021, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Quyết định số 765/QĐ-BNV ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Bộ Nội vụ.

Theo đó, Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Bộ Nội vụ bao gồm các tiêu chí đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số hằng năm trong hoạt động của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ (sau đây gọi là đơn vị).

Bộ Chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Bộ Nội vụ nhằm mục đích đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các đơn vị, xây dựng Chính phủ số tại Bộ Nội vụ. Giúp lãnh đạo các đơn vị nắm được thực trạng chuyển đổi số, qua đó xây dựng kế hoạch chuyển đổi số cho phù hợp; có biện pháp, giải pháp chuyển đổi số vào hoạt động của đơn vị hiệu quả, thiết thực. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của công chức, viên chức, người lao động, thực hiện cải cách hành chính, tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ và nâng cao chỉ số chuyển đổi số của Bộ Nội vụ.

Nội dung đánh giá chuyển đổi số tại các đơn vị gồm 7 chỉ số chính như sau: 1. Chuyển đổi nhận thức và cơ chế chính sách 2. Hoàn thiện thể chế 3. Hạ tầng và nền tảng số 4. Thông tin và Dữ liệu số 5. Hoạt động của Chuyển đổi số 6. An toàn, an ninh mạng 7. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Tiêu chí đánh giá và điểm tối đa cho từng nhóm tiêu chí

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa của các đơn vị trực thuộc Bộ	Điểm tối đa của các đơn vị thuộc Bộ	Điểm tối đa của khối đảng, đoàn thể
1	Chuyển đổi nhận thức và cơ chế chính sách	40	40	25
2	Hoàn thiện thể chế	45	30	25
3	Hạ tầng và nền tảng số	75	30	20
4	Thông tin và Dữ liệu số	45	45	10
5	Hoạt động của Chuyển đổi số	230	200	90
6	An toàn, an ninh mạng	20	25	25
7	Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực	45	30	25
<b>Tổng điểm</b>		<b>500</b>	<b>400</b>	<b>220</b>

Các trường hợp không được tính điểm: Không cung cấp đủ thông tin, số liệu; Số liệu cung cấp không đúng với thực tế; Không có tài liệu kiểm chứng; Gửi báo cáo chậm, quá thời hạn yêu cầu.

**8 quy trình đánh giá**

1. Các đơn vị xây dựng báo cáo đánh giá chuyển đổi số theo Phụ lục tương ứng tại Quyết định này và gửi kết quả, tài liệu kiểm chứng theo yêu cầu về Trung tâm Thông tin trước ngày 05/01 hằng năm (số liệu báo cáo được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm báo cáo).
2. Trung tâm Thông tin trình Lãnh đạo Bộ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá chuyển đổi số của Bộ Nội vụ (Hội đồng đánh giá); Tổ giúp việc cho Hội đồng đánh giá.
3. Tổ giúp việc cho Hội đồng đánh giá tổng hợp kết quả báo cáo đánh giá chuyển đổi số của các đơn vị.
4. Tổ giúp việc cho Hội đồng đánh giá thẩm định lại kết quả báo cáo đánh giá chuyển đổi số của các đơn vị.
5. Tổ giúp việc cho Hội đồng đánh giá xây dựng Dự thảo Báo cáo đánh giá chuyển đổi số của Bộ Nội vụ trình Hội đồng đánh giá.
6. Hội đồng đánh giá họp, xem xét đánh giá Dự thảo Báo cáo đánh giá chuyển đổi số của Bộ Nội vụ.
7. Tổ giúp việc cho Hội đồng tiếp thu kết luận của Hội đồng đánh giá, chỉnh sửa hoàn thiện Báo cáo đánh giá chuyển đổi số của Bộ Nội vụ, trình Lãnh đạo Bộ xem xét quyết định.
8. Công bố Báo cáo đánh giá chuyển đổi số của Bộ Nội vụ.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: TIÊU CHUẨN THĂNG HẠNG PHÓNG VIÊN, BIÊN TẬP VIÊN, KIỂM ĐỊNH VIÊN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Ngày 25/6, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTTTT quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

Thông tư này quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I, từ hạng III lên hạng II và từ hạng IV lên hạng III (nếu có); nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm: a) Biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình; b) An toàn thông tin, quản trị viên hệ thống, kiểm định viên công nghệ thông tin, phát triển phần mềm; c) Âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim.

**Tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng**

Viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghề nghiệp được cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi có đủ các tiêu

chuẩn, điều kiện sau đây: 1. Đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Có thành tích xuất sắc như sau: Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ hạng II lên hạng I: Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng II được khen thưởng Huân chương lao động hạng Ba trở lên hoặc đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II: Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III được khen thưởng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ hoặc đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương trở lên;

Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ hạng IV lên hạng III: Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV được khen thưởng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương trở lên hoặc đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở.

### **Xét thăng hạng theo 2 vòng**

Theo Thông tư, hình thức xét gồm 2 vòng. Vòng 1: Thẩm định hồ sơ dự xét thăng hạng theo quy định, nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định thì người dự xét được tham dự vòng 2.

Vòng 2: Kiểm tra, sát hạch về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; ngoại ngữ; tin học theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức phỏng vấn hoặc thực hành. Điểm thi phỏng vấn hoặc thực hành của mỗi bài kiểm tra, sát hạch được chấm theo thang điểm 100.

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thông tin và truyền thông là viên chức có tất cả các bài kiểm tra, sát hạch ở vòng 2 (chuyên môn, nghiệp vụ; ngoại ngữ; tin học) đạt từ 50/100 điểm trở lên lấy theo thứ tự tổng điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có tổng điểm kiểm tra, sát hạch bằng nhau ở chỉ tiêu thăng hạng cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: Viên chức có thành tích khen thưởng cao hơn; viên chức có kết quả kiểm tra, sát hạch chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn; viên chức là người dân tộc thiểu số; viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh); viên chức có thời gian công tác nhiều hơn... Không bảo lưu kết quả cho các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ 15/8/2021.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

## NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### \* Bộ Chính trị:

Quyết định đồng chí Lê Tiến Châu, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang nhiệm kỳ 2020 - 2025; điều động, phân công, chỉ định đồng chí giữ chức Phó Bí thư Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và giới thiệu hiệp thương giữ chức Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2019 - 2024”.

Quyết định phân công, điều động đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa, Phó Trưởng ban Ban kinh tế Trung ương tham gia Ban chấp hành, Ban Thường vụ Đảng bộ Tỉnh Hưng Yên, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Quyết định có hiệu lực từ ngày 15/6/2021.

Quyết định bà Lâm Thị Phương Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025; điều động, bổ nhiệm giữ chức Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Quyết định ông Nguyễn Quốc Đoàn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thôi giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế nhiệm kỳ 2020 - 2025; chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025.

### \* Ban Bí thư Trung ương Đảng:

Chuẩn y ông Nguyễn Mạnh Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Đảng ủy Công an Trung ương vừa tổ chức Lễ Công bố quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác cán bộ. Đại tướng Tô Lâm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì buổi lễ.

Căn cứ Điều lệ Đảng, sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Bộ Chính trị đã chỉ định Đảng ủy Công an Trung ương nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Tại Phiên họp thứ nhất của Đảng ủy Công an Trung ương nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã tiến hành bầu Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương nhiệm kỳ 2020 - 2025. Ngày 22/6/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quyết định chuẩn y Ủy ban

Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Theo đó, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 13 đồng chí; Trung tướng Trần Quốc Tỏ giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương; 4 đồng chí giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương, trong đó Thiếu tướng Lê Văn Tuyển là Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương.

Quyết định điều động, bổ nhiệm ông Đặng Khánh Toàn, Vụ trưởng Vụ Giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Chính phủ giữ chức Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

**\* Thủ tướng Chính phủ quyết định:**

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Tường Văn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Cao Tường Huy, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Bùi Văn Khăng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021; bà Nguyễn Thị Hạnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Phạm Văn Thành, Bí thư Thị ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trịnh Việt Hùng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với: Ông Đặng Xuân Trường, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Lê Quang Tiến, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Dương Văn Lượng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2016 - 2021.

**\* Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công:**

Thủ tướng Phạm Minh Chính vừa ký Quyết định số 1012/QĐ-TTg kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công (Ban Chỉ đạo).

Theo Quyết định, Trưởng ban Ban Chỉ đạo là Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái.

Phó Trưởng ban gồm: Bộ trưởng Bộ Nội vụ (Phó Trưởng ban Thường trực), Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ủy viên Ban Chỉ đạo gồm lãnh đạo các Bộ, cơ quan: Quốc phòng, Công an, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ban Kinh tế Trung ương, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Văn phòng Quốc hội, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội, Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**\* Bộ Quốc phòng:**

Thiếu tướng Lê Đình Thương, Phó Tư lệnh Quân khu 3 được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng, thay Trung tướng Đặng Trọng Quân, Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng nghỉ chờ hưu theo chế độ.

**\* Bộ Công an:**

Đại tá Phạm Đăng Khoa, Giám đốc Công an tỉnh Hưng Yên được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Viễn thông và cơ yếu, Bộ Công an.

Đại tá Phạm Văn Đôn, Phó Giám đốc Công an tỉnh được giao phụ trách Công an tỉnh Hưng Yên đến khi có Giám đốc Công an tỉnh.

**\* Thành phố Hải Phòng:**

Ông Phạm Văn Lập, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Bí thư Huyện ủy Thủy Nguyên được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Bùi Đức Quang, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Văn Tùng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khóa XV được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khóa XVI nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Lê Anh Quân, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố khóa XV; Lê Khắc Nam, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khóa XV; Nguyễn Đức Thọ, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khóa XV được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khóa XVI nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Hải Dương:**

Ông Phạm Xuân Thăng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Nguyễn Thị Ngọc Bích, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Nguyễn Khắc Toàn, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI đều được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Triệu Thế Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương nhiệm kỳ mới.

Các ông: Lưu Văn Bản, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nguyễn Minh Hùng, Tỉnh ủy viên và Trần Văn Quân, Tỉnh ủy viên đều được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Hưng Yên:**

Ông Trần Quốc Toàn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được các đại biểu bầu tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Phạm Văn Khuê, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Trần Thị Tuyết Hương, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ mới.

Ông Trần Quốc Văn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu tái đắc cử chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Đặng Ngọc Quỳnh, Nguyễn Duy Hưng, Nguyễn Hùng Nam tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVII.

**\* Tỉnh Bắc Giang:**

Bà Lê Thị Thu Hồng, Phó Bí thư Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Lâm Thị Hương Thành, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghiêm Xuân Hưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ mới.

Ông Lê Ánh Dương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVIII tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XIX nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Mai Sơn, Lê Ô Pích, Phan Thế Tuấn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Hòa Bình:**

Ông Bùi Đức Hình, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Nguyễn Thị Cẩm Phương và Võ Ngọc Kiên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ mới.

Ông Bùi Văn Khánh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVI nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Nguyễn Văn Toàn, Quách Tất Liêm, Nguyễn Văn Chương, Đinh Công Sứ tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Điện Biên:**

Ông Lò Văn Phương, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XIV được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV.

Bà Giàng Thị Hoa, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIV tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV.

Ông Lê Thành Đô, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khoá XIV tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Phạm Đức Toàn, Lò Văn Tiến và Vừ A Bằng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khoá XIV tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khoá XV nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Bắc Kạn:**

Bà Phương Thị Thanh, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, Phó Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XIV tỉnh được bầu tái cử giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Hoàng Thu Trang, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX; Nông Quang Nhất, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Long Hải, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX được bầu tái cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.



**\* Tỉnh Lạng Sơn:**

Bà Đoàn Thị Hậu, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVI nhiệm kỳ 2016 - 2021, được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Đinh Hữu Học, Bí thư Huyện ủy Chi Lăng nhiệm kỳ 2020 - 2025 được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Hồ Tiến Thiệu, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Dương Xuân Huyền, Lương Trọng Quỳnh và Đoàn Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVI tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Vĩnh Phúc:**

Bà Hoàng Thị Thúy Lan, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Trung Hải, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Lê Duy Thành, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVI được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVII.

Các ông: Vũ Việt Văn, Nguyễn Văn Khước, Vũ Chí Giang, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Tuyên Quang:**

Bà Lê Thị Kim Dung, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các bà: Lê Thị Thanh Trà và Phạm Thị Minh Xuân được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Văn Sơn, Phó Bí thư Tỉnh ủy được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Nguyễn Thế Giang, Hoàng Việt Phương và Nguyễn Mạnh Tuấn được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Nam Định:**

Ông Lê Quốc Chính, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được tín nhiệm bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Phạm Đình Nghị, Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVIII tiếp tục được tín nhiệm bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XIX nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Nguyễn Phùng Hoan, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII; Mai Thanh Long, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX.

Các ông: Trần Lê Đoài, Trần Anh Dũng và Hà Lan Anh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Thanh Hóa:**

Ông Đỗ Trọng Hưng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Lê Tiên Lam, Giám đốc Sở Công Thương; Nguyễn Quang Hải, Bí thư Huyện uỷ Đông Sơn được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ mới.

Ông Đỗ Minh Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVII tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVIII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Nguyễn Văn Thi, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021; Mai Xuân Liêm, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Đầu Thanh Tùng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Lê Đức Giang, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Quảng Bình:**

Ông Phạm Quang Ánh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường được điều động giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh.

Ông Nguyễn Huệ, Chánh Thanh tra tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ông Lê Công Hữu, Bí thư Huyện uỷ Tuyên Hóa được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Bình.

Ông Nguyễn Hoài Nam, Giám đốc Sở Du lịch được điều động giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Tuyên Hóa.

Ông Nguyễn Ngọc Quý, Giám đốc Sở Ngoại vụ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Du lịch.

Ông Mai Xuân Hạp, Phó Trưởng ban Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ông Hà Vĩnh Trung, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

**\* Tỉnh Thừa Thiên - Huế:**

Ông Lê Trường Lưu, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Văn Phương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Nguyễn Quang Tuấn, Bí thư Đảng ủy Khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh và Nguyễn Thị Ái Vân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Nguyễn Thanh Bình, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Hoàng Hải Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Huế và Phan Quý Phương, Giám đốc Sở Tài chính được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**\* Tỉnh Khánh Hòa:**

Ông Nguyễn Khắc Toàn, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Khánh Hòa được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII.

Ông Trần Mạnh Dũng, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu tái đắc cử chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Bà Phạm Thị Xuân Trang, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ông Nguyễn Tấn Tuân, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa VII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Ninh Thuận:**

Ông Phạm Văn Hậu, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trần Minh Lực được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trần Quốc Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Phan Tấn Cảnh, Nguyễn Long Biên và Lê Huyền, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Gia Lai:**

Ông Hồ Văn Niên, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XIV được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Trương Văn Đạt, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI nhiệm kỳ 2016 - 2021; Ayun H'Bút, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII.

Ông Võ Ngọc Thành, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XI nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Đắk Lắk:**

Ông Y Vinh Tor, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trần Phú Hùng, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ mới.

Ông Phạm Ngọc Nghị, Phó Bí thư Tỉnh ủy được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Nguyễn Tuấn Hà, H'Yim Kđoh, Võ Văn Cảnh, Y Giang Gry Niê Knong, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Đắk Nông:**

Ông Lưu Văn Trung, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Các ông/bà: Y Quang B'Krông và Mai Thị Xuân Trung, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ mới.

Đại tá Hồ Văn Mười, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh Đắk Nông được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Lê Văn Chiến, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IV.

Các ông/bà: Tôn Thị Ngọc Hạnh và Lê Trọng Yên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IV.

**\* Tỉnh Kon Tum:**

Ông Dương Văn Trang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Thế Hải, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI nhiệm kỳ 2016 - 2021 và bà Nghe Minh Hồng, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Lê Ngọc Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tái cử chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Y Ngọc, Nguyễn Hữu Thá và Nguyễn Ngọc Sâm, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:**

Ông Phạm Viêt Thanh, Bí thư Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Văn Thọ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Tiền Giang:**

Ông Võ Văn Bình, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trần Thanh Nguyên, Bí thư Huyện ủy Cái Bè được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ mới.

Các ông: Trần Văn Dũng, Phạm Văn Trọng, Nguyễn Văn Mười, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh An Giang:**

Ông Lê Văn Nung, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ông Đỗ Tấn Kiệt, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Bà Đinh Thị Việt Huỳnh, Bí thư Huyện ủy Châu Thành được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Thanh Bình, Phó Bí thư Tỉnh ủy tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các ông: Lê Văn Phước và Trần Anh Thư, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

**\* Tỉnh Kiên Giang:**

Ông Mai Văn Huỳnh, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Lê Hồng Thắm, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Giang Văn Phục, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

Ông Lâm Minh Thành, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

Các ông/bà: Nguyễn Đức Chín, Nguyễn Thanh Nhàn, Nguyễn Lưu Trung, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Tây Ninh:**

Ông Nguyễn Thành Tâm, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX đã tái đắc cử Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Thanh Phong, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Đài Thy, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Nội vụ được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Thanh Ngọc, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Bạc Liêu:**

Ông Lữ Văn Hùng, Bí thư Tỉnh ủy được bầu tái đắc cử chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Phan Như Nguyễn, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Bùi Tấn Bảy, nguyên Bí thư Thị ủy Giá Rai được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Phạm Văn Thiều, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX được bầu tái đắc cử chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Lê Tấn Cận, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Phan Thanh Duy, Cao Xuân Thu Vân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**\* Tỉnh Bến Tre:**

Bà Hồ Thị Hoàng Yên, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Bến Tre được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Huỳnh Quang Triệu và Lê Văn Khê được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trần Ngọc Tam, Phó Bí thư Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Nguyễn Trúc Sơn, Nguyễn Minh Cảnh và Nguyễn Thị Bé Mười được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

*Nguồn: baohinhphu.vn*